

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DIỆN BIÊN - ĐIỆN BIÊN

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/ND - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 1.534 /TB - PGDDT, ngày 28. tháng 10 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường THCS xã Thanh Luông											16.200.000
1	Quàng Bảo Minh	2013		6A1	Thái	Lò Thị Tươi	Pú Nhi - DBD	Bản DBKK	150.000	4	600.000
2	Vũ Thị Tuyết Ngân		2013	6A2	Kinh	Vũ Bá Thành	Phìn Hồ - Nậm Pồ	Bản DBKK	150.000	4	600.000
3	Vũ Gia Hân		2013	6A2	Kinh	Mai Thị Sánh	Phường Him Lam-TPDBP	Khuyết tật	150.000	4	600.000
4	Mùa Tỷ Hiền		2013	6A2	Mông	Thảo Thị Sĩa	Xả Nhù - Hua Thanh	Bản DBKK	150.000	4	600.000
5	Lò Nguyễn Bảo Hân		2012	7B1	Lào	Nguyễn Thị Len	Bản Lói - xã Mường Lói	Khu vực III	150.000	4	600.000
6	Lò Thu Phương		2012	7B1	Thái	Lò Văn Xuân	Bản Nậm Ngám A - xã Pú Nhi	Bản DBKK	150.000	4	600.000
7	Lò Bảo Long	2012		7B1	Thái	Lò Thị Thanh Loan	Bản Nậm Nèn 2 - xã Nậm Nèn	Bản DBKK	150.000	4	600.000
8	Quàng Văn Tuyền		2012	7B1	Khơ mú	Quàng Văn Hạnh	Bản Hua Pe - xã Thanh Luông	Bản DBKK	150.000	4	600.000
9	Vũ Việt Hoàng	2008		7B1	Kinh	Vì Thị Diên	Thôn Thanh Bình - Xã Thanh Luông	Khuyết tật	150.000	4	600.000
10	Vàng Thị Sênh		2012	7B2	Mông	Vàng Thị Mỹ	Bản Huổi Cỏ - Xã Nậm Păm	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
11	Lò Quốc Việt	2012		7B2	Thái	Tòng Thị Suong	Bản Pe Luông - Xã Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
12	Lường Ngọc Hân		2012	7B3	Thái	Lò Thị Hoa	Bản Lọng Tông - Xã Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
13	Cà Thị Diệu Vy		2012	7B3	Thái	Vì Thị Thanh Thủy	Nậm Tin - Nậm Pồ	Xã Khu vực III	150.000	4	600.000
14	Hà Nguyễn Thế Bảo	2012		7B4	Kinh	Nguyễn Thị Thắm	Bản Thanh Chính - xã Noong Luông	Bản DBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
15	Trần Anh Trúc		2012	7B4	Kinh	Trần Văn Tuấn	Thôn Thanh Đông - xã Thanh Đông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
16	Nguyễn Thảo Linh		2011	8C2	Kinh	Nguyễn Thị Quyên	Ban Nộc Cóc 1-xã Vàng Dâng-Nậm Pồ	Bản đặc biệt KK	150.000	4	600.000
17	Mùa Thị Ly		2011	8C2	Mông	Mùa A Cò	Phiêng Pí - Pú Nhung - 1 tuần Giáo	Bản đặc biệt KK	150.000	4	600.000
18	Mùa Mỹ Duyên		2011	8C2	Mông	Mùa A Dơ	Xá Nhừ - Hua Thanh	Bản đặc biệt KK	150.000	4	600.000
19	Giàng Mạnh Hùng	2011		8C3	Mông	Cứ Thị Cú	Tia Đình - Huyện Điện Biên Đông	Xá Khu vực III	150.000	4	600.000
20	Lường Duy Thành	2011		8C3	Thái	Lường Văn Tiến	Xá Nà Hỳ - huyện Nậm Pồ	Xá Khu vực III	150.000	4	600.000
21	Lường Văn Xuân	2010		9D1	Thái	Lường Thị Thu	Đội 11 - Thanh Luông	Khuyết tật	150.000	4	600.000
22	Trần Đình An Na		2010	9D1	Kinh	Trần Văn Tuấn	Thôn Thanh Đông - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
23	Lò Thị Linh Nhi		2010	9D1	Thái	Quàng Thị Hoan	Nà Hỳ - Nậm Pồ	Xá Khu vực III	150.000	4	600.000
24	Vàng Thị Minh Trang		2010	9D2	Mông	Vàng A Sô	Trống Đình - Háng Lìa - ĐBD	Bản đặc biệt KK	150.000	4	600.000
25	Cà Thế Hoàng		2010	9D2	Thái	Cà Thị Yên	Phiêng Muông A-Pú Hồng-ĐBD	Bản đặc biệt KK	150.000	4	600.000
26	Quàng Thị Phon		2010	9D3	Thái	Lò Thị Luyến	Bản Hua Pe - xã Thanh Luông	Bản đặc biệt KK	150.000	4	600.000
27	Quàng Thị Vân		2010	9D3	Thái	Quàng Văn Hương	Bản Hua Pe - xã Thanh Luông	Bản đặc biệt KK	150.000	4	600.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/ND - CP NGÀY 27/8/2021
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số: 1554 /TB - PGDDT, ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ.	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường THCS xã Thanh Hưng										12.000.000
1	Lò Ngọc Khánh Linh		2013	6A	Lào	Lò Xuân Hà; Lò Thị Yên	Bản Huổi Moi xã Pa Thơm H. Điện Biên	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
2	Đặng Trần Hải Đăng	2011		6B	Kinh	Đặng Văn Trung; Trần Thị Bình	Thôn Hưng Thịnh- Xã Thanh Hưng	Khuyết tật	150.000	4	600.000
3	Lò Duy Hưng	2013		6B	Thái	Lò Văn Tiến; Lò Thị Hiên	Thôn Hồng Thái- Xã Thanh Hưng	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
4	Nguyễn Xuân Phúc	2013		6C	Kinh	Nguyễn Văn Hoàng; Nguyễn Thị Thu Hằng	Thôn Thanh Bình- Xã Thanh Hưng	Khuyết tật	150.000	4	600.000
5	Phạm Phương Nhi		2012	7A	Kinh	Phạm Văn Hiếu; Nguyễn Thị Huyền	Bản Nậm Chim 1, xã Si Pa Phìn, Huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
6	Vi Bảo Chi		2012	7A	Kinh	Vi Văn Bích; Lường Thị Dịu	Bản Pa Tăn, xã Pa Tăn, Huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
7	Đàm Hồng My		2012	7A	Kinh	Đàm Ngọc Dương; Nguyễn Thị Thu	Bản Giỏi B, xã Luân Giói, Huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
8	Dương Thị Diệu Linh		2012	7A	Kinh	Dương Minh Tuấn; Nguyễn Thị Luyến	Thôn 13, Xã Thanh Luông, Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Hộ nghèo	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ.	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
9	Lò Trung Kiên	2012		7B	Thái	Lò Văn Cương, Lò Thị Thanh	Xã Mường Tùng- Huyện Mường Chà	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
10	Vương Quý Thắng	2012		7B	Kinh	Vương Minh Duẩn, Bùi Thị Dung	Thôn Việt Thanh- Xã Thanh Hưng	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
11	Lò Phương Anh		2012	7C	Thái	Lò Văn Linh; Lò Thị Minh Thu	Xã Nậm Lịch- Huyện Mường Ảng	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
12	Lầu Uyên Nhi		2012	7C	Mông	Lầu Thanh Sơn; Hạ Thị Nénh	Bản Tia Mùng C- Xã Nong U- ĐBĐ	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
13	Hà Nguyễn Thái Sơn	2012		7C	Kinh	Hà Văn Hòa; Nguyễn Thị Thắm	Xã Mường Mươn- Huyện Mường Chà	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
14	Hà Song Vân	2012		7C	Kinh	Hà Hoàng Hải; Bùi Thị Tuyết	Thôn Mỹ Hưng- Xã Thanh Hưng	Khuyết tật	150.000	4	600.000
15	Trương Thị Thu Hiền		2010	9A	Thái	Nguyễn Thị Lân (em ở với bà)	Thôn Thanh Hòa- Xã Thanh Hưng	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
16	Lò Yến Chi		2010	9A	Thái	Lò Thị Minh Thu, Lò Văn Linh	Bản Ten- Xã Nậm Lịch, huyện Mường Ảng	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
17	Vũ Bình Nguyên		2010	9A	Kinh	Trần Thị Nhuận, Vũ Văn Đoàn	Bản Huổi Vang, xã Mường Mươn, Huyện Mường Chà	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
18	Vũ Thảo Nguyên		2010	9A	Kinh	Trần Thị Nhuận, Vũ Văn Đoàn	Bản Huổi Vang, xã Mường Mươn, Huyện Mường Chà	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
19	Trần Phương Huyền		2010	9A	Kinh	Hoàng Hồng Hà; Trần Mỹ Thành	Bản Huổi Múa B, Xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000
20	Thùng Bạc Hải Lâm	2010		9A	Thái	Bạc Thị Phương; Thùng Văn Sơn	Bản Hồ Chim 1, xã Ma Thị Hồ, Huyện Mường Chà	Vùng KTXH ĐBKK	150.000	4	600.000

CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 15.54 /TB - PGDDT, ngày: 28 tháng 10 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường THCS xã Thanh Chăn											
1	Tòng Minh Quân	2013		6A1	Thái	Lò Thị Chiến	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
2	Lường Phong Đạt	2013		6A1	Thái	Vì Thị Ánh	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
3	Lường Gia Bảo	2013		6A1	Thái	Lò Thị Chính	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
4	Lường Thanh Tùng	2013		6A1	Thái	Lò Thị Dương	Bản Na Khưa - Thanh Chăn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
5	Tòng Thị Thủy Vân		2013	6A1	Thái	Tòng Văn Hưng	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
6	Lò Vi Khánh Toàn	2013		6A2	Thái	Vì Thị Xuyên	Bản Phiêng Vai - Nậm Kè- Mường Nhé	Xã Khu vực III	150.000	4	600.000
7	Lường Thị Ngọc Quyên		2013	6A2	Thái	Là Thị Hương	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
8	Tòng Bảo An	2013		6A2	Thái	Tòng Văn Quang	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
9	Lò Diệp Chi		2013	6A2	Thái	Trần Thị Quyên	Bản Nậm Chim, Sĩ Pa Phìn, Nậm Pồ	Xã Khu vực III	150.000	4	600.000
10	Lưu Hải Đông	2013		6A2	Nùng	Đinh Thị Huyền	Thôn Việt Thanh 4 - Thanh Chăn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
11	Nông Quốc Tuấn Anh	2011		6A3	Nùng	Nông Quốc Hải	Bản Pom Mỏ Thỏ - Thanh Chăn	Khuyết tật - HN	150.000	4	600.000
12	Tòng Thị Huyền		2013	6A3	Thái	Lò Thị Là	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
13	Lò Thị Hà Nhi		2013	6A3	Thái	Lò Văn Bích	Bản Púng Nghiu - Thanh Chăn	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
14	Lò Thùy Trang	2012		7B1	Thái	Lò Thị Sién	Bản Na Khưa - Thanh Chăn	Con Hộ nghèo	150.000	4	600.000
15	Lò Văn Thúc		2012	7B1	Thái	Lường Thị Thiên	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng ĐBKK- HN	150.000	4	600.000
16	Tòng Nhất Phương	2012		7B1	Thái	Quàng Thị Hoa	Bản Púng Nghiu - T/Chăn	Vùng ĐBKK	150.000	4	600.000
17	Cà Thanh Trường	2012		7B1	Thái	Cà Văn Hoàng	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng ĐBKK	150.000	4	600.000
18	Nguyễn Quang Dũng		2012	7B1	Kinh	Nguyễn Quang Tuyển	Bản Phiêng Vai, Nậm Kè, Mường Nhé	Khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
19	Cà Mạnh Cường		2012	7B1	Thái	Cà Văn Chung	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
20	Tòng Ngọc Anh		2012	7B2	Thái	Lò Thị Hưng	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
21	Nguyễn Thị Bích Hà		2012	7B2	Kinh	Lê Thị Huệ	Bản Cầu Pha-Pa Tản, Sìn Hồ	Khu vực III	150.000	4	600.000
22	Tòng Văn Biên	2011		8C1	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
23	Lò Tiến Dũng	2011		8C1	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
24	Cà Nhật Long	2011		8C1	Thái	Lò Thị Thom	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
25	Lò Minh Tuyết		2011	8C1	Thái	Hà Thị Kim Thuông	Bản Pha Đin - T/Chăn	Con Hộ nghèo	150.000	4	600.000
26	Cà Mạnh Cường	2011		8C1	Thái	Lò Thị Kiên	Đội 12 xã Thanh Chăn	Khu vực tất	150.000	4	600.000
27	Lường Mạnh Quý	2011		8C1	Thái	Lò Thị Hòa	Bản Na Khua - T/Chăn	Con Hộ nghèo - KT	150.000	4	600.000
28	Lò Nhật Linh	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Lan	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
29	Lường Đức Thắng	2010		9D1	Thái	Tòng Thị Dung	Bản Na Khua T/Chăn	Con Hộ nghèo	150.000	4	600.000
30	Lò Thị Thủy Ngân		2010	9D1	Thái	Lò Thị Xiên	Bản Na Khua T/Chăn	Con Hộ nghèo	150.000	4	600.000
31	Lò Thị Thanh Thủy		2010	9D1	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
32	Hoàng Nhật Long	2010		9D1	Kinh	Trần Thị Hạnh	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000
33	Lường Văn Tuấn	2010		9D2	Thái	Lường Văn Phiêng	Bản Na Khua T/Chăn	Con Hộ nghèo	150.000	4	600.000
34	Lò Thị Oanh		2010	9D2	Thái	Tòng Thị Thìn	Bản Pom Mỏ - T/Chăn	Khu vực tất	150.000	4	600.000
35	Nông Quốc Gia Vỹ	2009		9D2	Tày	Nông Quốc Hải	Bản Pom Mỏ - T/Chăn	Con Hộ nghèo - KT	150.000	4	600.000
36	Tòng Duy Bình	2010		9D2	Thái	Tòng Văn Quang	Bản Púng Nghiu T/Chăn	Vùng DBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường THCS xã Thanh Yên											
1	Lò Xuân Nhi		2010	9D1	Thái	Lò Thị Thúy	Bản Hạ	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
2	Nguyễn Thị Chân Nhi		2010	9D1	Kinh	Nguyễn Thị Vân	Thôn Tiến Thanh	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
5	Phạm Thị Minh Thư		2010	9D1	Kinh	Bùi Thị Tuyên	Thôn Hoàng Yên	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
3	Cà Văn Hóa	2010		9D1	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
4	Trần Lý Duy Phong	2010		9D1	Thỏ	Lý Thị Lập	Bản Phú Yên	TBDBKK	150.000	4	600.000
6	Lý Diệu Châu		2010	9D1	Thỏ	Vùi Thị Hòa	Bản Phú Yên	TBDBKK	150.000	4	600.000
7	Lò Thị Hà		2010	9D1	Thái	Lương Thị Diên	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
8	Lương Xuân Quyết	2010		9D1	Thái	Lò Thị Út	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
9	Lý Kim Thoa		2010	9D1	Nùng	Lý Văn Long	Bản Phú Yên	TBDBKK	150.000	4	600.000
10	Lò Văn Thủy	2010		9D1	Thái	Lò Văn Thương	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
11	Lý Văn Bằng	2010		9D2	Thỏ	Lương Thị Danh	Bản Phú Yên	TBDBKK	150.000	4	600.000
12	Lò Ngọc Quỳnh Chi		2010	9D2	Thái	Cà Thị Hạnh	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
13	Lò Mạnh Cường	2010		9D2	Thái	Lò Văn So	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
14	Trần Phạm Lan Nhi		2010	9D2	Kinh	Trần Đình Nhuận	Nà Hi, Nậm Pồ	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
15	Trần Phạm Ngọc Nhi		2010	9D2	Kinh	Trần Đình Nhuận	Nà Hi, Nậm Pồ	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
16	Lò Mai Phương Vy		2010	9D2	Thái	Lò Văn Thân	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
17	Nguyễn Thị Quế			9D3	Kinh	Lù Thị Thơi	Yên Sơn	KT+CN	150.000	4	600.000
18	Lò Anh Tuấn	2010		9D3	Thái	Tòng Thị Phong	Bán Bánh	Khuyết tật	150.000	4	600.000
19	Lò Linh Long	2010		9D3	Thái	Lò Thị Hợp	Bán Noong Vai	Khuyết tật	150.000	4	600.000
20	Lường Thanh Diên	2010		9D3	Thái	Lò Thị Tinh	Bán Phượn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
21	Lò Nhật Duy	2010		9D3	Thái	Lò Thị Hương	Bán Bánh	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
22	Lò Văn Nam	2010		9D3	Thái	Luong Thi Nhung	Bán Phượn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
23	Hoàng Đình Dũng	2010		9D3	Tày	Hoàng Văn Tuấn	Bán Phú yên	TBĐBKK	150.000	4	600.000
24	Lò Văn Hạo Nguyễn	2010		9D3	Thái	Lò Văn Lún	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
25	Lò Văn Sinh	2010		9D3	Thái	Lò Thị Phúc	Bán Phượn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
26	Đồng Thị Mai Linh		2011	8C1	Thái	Lò Thị Duyên	Yên Bình	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
27	Triệu Phúc Tân	2011		8C1	Nùng	Lò Thị Thoa	Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
28	Lò Bảo Ngọc	2011		8C1	Thái	Lò Văn Bích	Bán Chiềng Tông	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
29	Lò Thị Phương Uyên		2011	8C1	Thái	Bùi Thị Hằng	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
30	Lò Nhật Huy	2011		8C1	Thái	Lường Thị Thoan	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
31	Đinh Thị Diệu Châu		2011	8C1	Thái	Lò Thị Hà Thu	Xã Mường Lói	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
32	Hà Thị Thu Thảo		2011	8C1	Thổ	Hoàng Thị Xuân	Phú Yên	TBĐBKK	150.000	4	600.000
33	Lò Văn Duy	2011		8C1	Thái	Lò Văn Quân	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
34	Quảng Hải Nam	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Tiến	Bán Hạ	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
35	Quảng Thanh Tuyền	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Pít	Bán Chiềng Tông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
36	Cà Thị Bảo Trúc		2011	8C2	Thái	Lò Thị Dinh	Pa Pháy	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
37	Hoàng Việt Tuấn	2011		8C2	Tày	Hoàng Văn Dương	Bán Phú Yên	TBĐBKK	150.000	4	600.000
38	Lò Thị Kim Chi		2011	8C2	Thái	Lò Thị Khún	Bán Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	4	600.000



STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
39	Lò Tiến Đại	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Hiền	Bản Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
40	Lò Mạnh Quyền	2011		8C2	Thái	Lò Thị Tuyết	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000
41	Trần Thị Lệ Quyên		2011	8C2	Thổ	Lý Thị Mần	Bản Phú Yên	TBDBKK	150.000	4	600.000
42	Cà Mạnh Duy	2011		8C3	Thái	Quảng Thị Duyên	Bản Bói	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
43	Nguyễn Văn Tình	2011		8C3	Tày	Nguyễn Văn Huấn	Bản Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
44	Nguyễn Thị Hiền		2011	8C3	Nùng	Trần Thị Nhung	Bản Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
45	Trần Đức Nghĩa	2011		8C3	Nùng	Trần Tiến Dũng	Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
46	Lò Thành Duy	2011		8C3	Thái	Lò Thị Thành	Xã Mường Lói	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
47	Lò Phương Thảo		2011	8C3	Thái	Lò Văn Thiên	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000
48	Trần Ngọc Ánh		2011	8C3	Kinh	Trần văn Dũng	Nà hủ 3. N Pồ	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
49	Lò Văn Hoàng	2011		8C3	Thái	Lò Văn Thuyết	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000
50	Lò Bảo Long	2011		8C3	Thái	Lò Văn Thành	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
51	Hoàng Bảo An	2012		7B1	Tày	Vì Thị Hoa	Phú Yên	TBDBKK	150.000	4	600.000
52	Lò Thị Phương Anh		2012	7B1	Thái	Lò Thị Them	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
53	Lường An Bình	2012		7B1	Thái	Lò Thị Mai	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
54	Lường Đức Công	2012		7B1	Thái	Lò Thị Hạnh	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000
55	Lò Văn Đại	2012		7B1	Thái	Lường Thị Thiết	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000
56	Lường Thị Ngọc Diệp		2012	7B1	Thái	Lò Thị Tâm	chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
57	Lò Thị Hương Giang		2012	7B1	Thái	Lò Thị Hoa	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
58	Lò Thị Bảo Hân		2012	7B1	Thái	Lò văn Học	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000
59	Quảng Thị hạnh		2012	7B1	Thái	Quảng Thị Xiên	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
60	Lò Thị Ngọc Hoa		2012	7B1	Thái	Lò Thị Minh	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
61	Lường Huy Hoàng	2012		7B1	Thái	Lường Văn Phương	Chiềng Tông	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
62	Lò Văn Bảo Hưng	2012		7B1	Thái	Lò Văn Tuấn	Chiềng Tông	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
63	Lò Việt Kiều	2012		7B1	Thái	Lò Văn Hộ	Chiềng Tông	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
64	Lò Thị Hồng Thơm		2012	7B1	Thái	Vì Thị Hằng	Chiềng Tông	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
65	Lò Thùy Linh		2012	7B1	Thái	Vì Thị Thơm	Bản Phượn	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
66	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	2012		7B1	Thổ	Hoàng Thị Mai	Bản Phú Yên	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
67	Phạm Quang Hào	2012		7B1	Kinh	Nguyễn Thị Thương	Thanh hà	Khuyết tật	150.000	4	600.000
68	Vì Thị Ngọc Oanh		2012	7B1	Thái	Quảng Thị Thu	Bản Bính	Khuyết tật	150.000	4	600.000
69	Cà Mạnh Phương	2012		7B2	Thái	Quảng Thị Duyên	Bản Pa Bói	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
70	Nguyễn Thị Bảo Yên		2012	7B2	Tày	Lò Thị Thân	Bản Phượn	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
71	Lò Anh Kiệt	2012		7B2	Thái	Lò Thị Tiên	Bản Phượn	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
72	Vì Thị Ngọc Mai		2012	7B3	Thái	Vì Thị Hặc	Bản Bính	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
73	Đinh Xuân Hòa	2012		7B3	Kinh	Hoàng Thị Duyên	Thôn Việt Yên	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
74	Lò Thị Mai		2012	7B3	Thái	Lò Văn Hòa	Bản Pa Bói	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
75	Nông Thị Bích Thùy		2012	7B3	Nùng	Nông Văn Đồi	Bản Yên Sơn	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
76	Đinh Thái Hoàng	2012		7B3	Thái	Lò Thị Hà Thu	Xã Mường Lói	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
77	Ngọc Diễm Hằng		2012	7B3	Tày	Lường Thị Lan	Bản Phú Yên	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
78	Hoàng Ngọc Bích		2012	7B3	Nùng	Hoàng Văn Dựng	M. Đun , Tòa Chùa	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
79	Nguyễn Nam Đạt	2012		6A1	Kinh	Vũ Thị Lanh	Thôn Yên Trường	Khuyết tật	150.000	4	600.000
80	Nguyễn Khánh Hưng	2013		6A1	Kinh	Lò Thị Phương	Bản Phú Yên	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
81	Khoảng Tuấn Hưng	2013		6A1	Thái	Lò Thị Khún	Bản Chiềng Tông	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
82	Lò Vi Tiên	2013		6A1	Thái	Lò Văn Út	Bản Chiềng Tông	TĐĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
83	Quàng Thị Phương Thảo		2013	6A2	Thái	Quàng Văn Lâm	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
84	Lò Đức Duy	2013		6A2	Thái	Lò Thị Loan	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
85	Quàng Việt Hoàng	2013		6A2	Thái	Lường Thị Thanh	Bản Phượn	TBDBKK	150.000	4	600.000
86	Quàng Thị Tố Uyên		2013	6A2	Thái	Lường Thị Hải	Chiềng Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
87	Tô Bảo Hân		2013	6A2	Thái	Cà Thị Thoa	Phù Nhừ. ĐBD	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
88	Hà Mạnh Tùng	2013		6A2	Mường	Nguyễn Thị Tuyền	Pa Bói	Mỏ cỏi	150.000	4	600.000
89	Hoàng Thị Thuý Nga		2013	6A2	Nùng	Hoàng Tuấn Anh	Bản Yên Sơn	Mỏ cỏi	150.000	4	600.000
90	Lò Duy Đạt	2013		6A3	Thái	Lò Văn Tiến	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	4	600.000
91	Lò Thị Quỳnh Giang		2013	6A3	Thái	Lò Thị Nguyên	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	4	600.000
92	Lò Đức Khải	2013		6A3	Thái	Lò Thị Thoạn	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	4	600.000
93	Lò Kim Cúc		2013	6A3	Thái	Lường Thị Thi	Bản Phượn	Bản DBKK	150.000	4	600.000
94	Quàng Duy Tùng	2013		6A3	Thái	Tòng Thị Tông	Bản Phượn	Bản DBKK	150.000	4	600.000
95	Lò Thị Minh Châu		2013	6A3	Thái	Lò Văn Tươi	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	4	600.000
96	Trần Thùy Trang		2013	6A3	Kinh	Trần Văn Đại	xã Hẹ Muông	Xã Khu vực III	150.000	4	600.000
97	Vì Nhật Minh	2013		6A3	Thái	Vì Văn Chương	Bản Nà Ngum	Mỏ cỏi	150.000	4	600.000

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021ND - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 4554 /TB - PGDDT, ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường THCS xã Thanh An											
1	Lương Thị Thu Nonyet		2013	Lớp 6A1	Thái	Lò Thị Vân	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
2	Quàng Thị Giang		2013	Lớp 6A1	Kinh	Quàng Thị Tho	Bản Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
3	Lường Tuấn Anh		2013	Lớp 6A1	Thái	Tòng Thị Nhung	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
4	Tòng Văn Hà		2013	Lớp 6A1	Thái	Tòng Văn Ôn	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
5	Lường Anh Diệp		2013	Lớp 6A1	Kho-mú	Lường Văn Biên	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
6	Lường Minh Tuấn		2013	Lớp 6A1	Kinh	Tòng Thị Hoan	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
7	Cà Duy Hùng		2013	Lớp 6A1	Thái	Vì Thị Cương	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
8	Quàng Thị Thu Hiền		2013	Lớp 6A1	Kinh	Quàng Thị Thanh	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
9	Lường Bảo Phong		2013	Lớp 6A1	Thái	Lò Thị Định	Chiềng sơ, DB Đông	Bản KK	150.000	4	600.000
10	Vũ Tiến Sơn		2013	Lớp 6A1	Thái	Nguyễn Thanh Loan	B Mường Toong, xã M Toong, M nhé	Bản KK	150.000	4	600.000
11	Tòng Thị Mai An		2013	Lớp 6A2	Thái	Lường Thị Cương	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
12	Vì Tuấn Diệp		2013	Lớp 6A2	Thái	Lường Thị Sinh	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
13	Lò Thị Hằng		2013	Lớp 6A2	Kho-mú	Lò Thị Hắc	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
14	Lường Huy Hoàng		2013	Lớp 6A2	Thái	Quàng Thị Lả	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
15	Lò Đức Minh		2013	Lớp 6A2	Thái	Lò Văn Hoá	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
16	Vì Thị Yến Nhi		2013	Lớp 6A2	Thái	Cà Thị Hiền	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
17	Lò Thị Duyên		2013	Lớp 6A3	Thái	Cà Thị Thịnh	Phiêng Ban - TA	Bản KK	150.000	4	600.000
18	Lò Nguyễn Long	2013		Lớp 6A3	Khơ mú	Lò Văn Sơn	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
19	Lò Thị Bảo Trang		2013	Lớp 6A3	Thái	Bạc Thị Hoa	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
20	Lò Thị Hà Trang		2013	Lớp 6A3	Thái	Quảng Thị Thơi	Phiêng Ban - TA	Bản KK	150.000	4	600.000
21	Lò Văn Trinh	2013		Lớp 6A3	Thái	Lò Thị Hiền	Phiêng Ban - TA	Bản KK	150.000	4	600.000
22	Lò Duy Minh	2013		Lớp 6A3	Thái	Lò Thị Dung	Pá Mỹ - Mường Nhé	Bản KK	150.000	4	600.000
23	Lò Phương Vy		2013	Lớp 6A3	Thái	Lò Thị Phóng	Co Chai	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
24	Mai Vũ Phương Anh		2012	Lớp 7B1	Mông	Mai Thị Biên	Đồng Biên 2	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
25	Tòng Thị Vân An		2012	Lớp 7B1	Thái	Tòng Văn Chính	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
26	Lò Minh Dương	2012		Lớp 7B1	Thái	Lò Văn Tiên	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
27	Vì Hoàng Hải	2010		Lớp 7B1	Thái	Lương Thị Nhoi	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
28	Lù Quang Hạo	2012		Lớp 7B1	Thái	Lù Văn Dân	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
29	Tòng Duy Nhân	2012		Lớp 7B1	Thái	Tòng Văn Tâm	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
30	Lường Thu Phương		2012	Lớp 7B1	Thái	Lường Văn Tuấn	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
31	Cà Mạnh Quỳnh	2012		Lớp 7B1	Thái	Lò Thị Phượng	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
32	Quảnh Mạnh Quý	2012		Lớp 7B1	Thái	Quảng Văn Thịnh	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
33	Lò Hai Việt	2012		Lớp 7B1	Thái	Lò Văn Quyết	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
34	Lò Văn Định	2012		Lớp 7B1	Khơ-mú	Lò Thị Thời	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
35	Lường Văn Minh	2012		Lớp 7B1	Thái	Lường Văn Đoi	Piêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
36	Lò Văn An	2012		Lớp 7B2	K. mú	Lò Thị Von	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000



STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
37	Lương Thị Thu Cúc		2012	Lớp 7B2	Thái	Lương Văn Thông	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
38	Cà Thị Thanh Nguyệt		2012	Lớp 7B2	Thái	Cà Văn Phong	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
39	Tòng Bảo Quân	2012		Lớp 7B2	Thái	Tòng Văn Triết	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
40	Hoàng Hồng Thi		2012	Lớp 7B2	Thổ	Hoàng Xuân Trường	Phú Yên - T. Yên	Bản KK	150.000	4	600.000
41	Vũ Hoàng Thái	2012		Lớp 7B2	Kinh	Vũ Khắc Hiên	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
42	Lương Quang Vinh	2012		Lớp 7B2	Thái	Lương Văn Máng	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
43	Phạm Tường Vy		2012	Lớp 7B2	Kinh	Phạm Hoàng Vinh	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
44	Lò Xuân Nhi			Lớp 7B2	Thái	Lò Văn Sinh	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
45	Lò Văn Phúc			Lớp 7B2	K mù	Lò Văn Sơn	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
46	Lù Anh Long	2012		Lớp 7B2	Thái	Lương Thị Xuân	Noong Ứng	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
47	Quảng Văn Lâm	2012		Lớp 7B3	Thái	Quảng Văn Phong	Chiềng Chung	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
48	Lò Minh Nhật	2012		Lớp 7B3	Thái	Lò Quốc Việt	Noong Ứng	Khuyết tật	150.000	4	600.000
49	Lò Đặng Ngọc Anh		2012	Lớp 7B3	Thái	Lò Thị Phương	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
50	Lương Văn Cương	2012		Lớp 7B3	Thái	Cà Thị Thơm	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
51	Quảng Thị Hương		2012	Lớp 7B3	K. Mú	Quảng Văn Muôn	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
52	Quảng Văn Kiên	2012		Lớp 7B3	Thái	Quảng Thị Thanh	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
53	Lương Duy Kiên	2011		Lớp 7B3	Thái	Tòng Thị Nhung	Phiên Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
54	Lò Hồng Ngọc	2012		Lớp 7B3	Thái	Lò Thị Ngaoan	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
55	Lương Thị Hà Oanh		2012	Lớp 7B3	Thái	Quảng Thị Danh	Bản Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
56	Quảng Mạnh Quyền	2012		Lớp 7B3	Thái	Quảng Thị Thắm	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
57	Lò Minh Thắng	2012		Lớp 7B3	Thái	Vì Thị Lan	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
58	Tòng Phúc Thịnh	2012		Lớp 7B3	Thái	Lò Thị Thiên	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
59	Lò Thị Bảo Trân		2012	Lớp 7B3	Thái	Lò Thị Tiến	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
60	Vì Thị Vân		2012	Lớp 7B3	Thái	Quảng Thị Diên	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
61	Hoàng Phương Linh		2012	Lớp 7B3	Thái	Quảng Thị Khuyên	Púng giắt - M Mưon	Bản KK	150.000	4	600.000
62	Lò Mạnh Phương	2012		Lớp 7B3	Thái	Lò Thị Minh	Nậm hẹ - Hẹ Mưong	Bản KK	150.000	4	600.000
63	Lường Văn Mạnh	2011		Lớp 8C1	Thái	Lò Thị Bình	Huổi Cánh	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
64	Đào Thu Hiền		2011	Lớp 8C1	Kinh	Đào Duy Phúc	Si pa phìn - nậm pồ	Bản KK	150.000	4	600.000
65	Tòng Đức Thuận	2011		Lớp 8C1	Thái	Tòng Thị Oan	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
66	Lò Mai Thùy		2011	Lớp 8C1	Thái	Lò Văn Biên	Pa Tản - Nậm Pồ	Bản KK	150.000	4	600.000
67	Tòng Văn Tinh	2011		Lớp 8C1	Thái	Lường Thị Hương	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
68	Lường Anh Minh Triết	2011		Lớp 8C1	Thái	Lường Anh Dũng	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
69	Quảng Như Quỳnh		2011	Lớp 8C1	Thái	Quảng Văn Đa	Chiềng sơ - ĐB Đôn	Bản KK	150.000	4	600.000
70	Lường Minh Thư		2011	Lớp 8C1	Thái	Lường Văn Thoan	Bản Xôm	Khuyết tật	150.000	4	600.000
71	Lường Thị Thu Hiền		2011	Lớp 8C2	Thái	Lường Văn Biên	Bản cha	Bản KK	150.000	4	600.000
72	Lò Văn Tinh	2011		Lớp 8C2	Thái	Lường Thị Dịch	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
73	Lường Thị Quỳnh Mai		2011	Lớp 8C2	Thái	Lường Văn Xiển	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
74	Lò Bảo Quốc	2011		Lớp 8C2	Thái	Tòng Thị Phượng	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
75	Quảng Thị Thiết		2011	Lớp 8C2	Thái	Quảng Thị Thắm	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
76	Lò Hải Sơn	2011		Lớp 8C2	Thái	Lò Văn Hoa	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
77	Lê Minh Phương		2011	Lớp 8C2	Kinh	Lê Thị Phúc	Bản Nà Khoa- Nậm Pồ	Bản KK	150.000	4	600.000
78	Lò Thị Thủy Ngân		2011	Lớp 8C2	Thái	Lò Thị Sơn	Bản Mớ- Noong Hẹt	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
79	Quảng Văn Mạnh	2010		Lớp 9D1	Thái	Quảng Văn Hồng	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
80	Lò Đức Quân	2010		Lớp 9D1	Thái	Lương Thị Thanh	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
81	Tùng Văn Quân	2010		Lớp 9D1	Thái	Quảng Thị Thiên	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
82	Lò Quang Trường	2010		Lớp 9D1	Thái	Lò Thị Hiền	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
83	Lương Thị Thủy Chi		2010	Lớp 9D2	Thái	Lương Văn Thông	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
84	Lò Thị Gia Nhi		2010	Lớp 8C2	Thái	Lò Thị Thoa	Tổ 3 thị trấn Điện Biên Đông	Bản KK	150.000	4	600.000
85	Lương Hoàng Hải	2010		Lớp 9D2	Thái	Cà Thị Thu	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
86	Lương Thị Thu Trang		2010	Lớp 9D2	thái	Lương Văn Quân	Na Son - DB Đông	Bản KK	150.000	4	600.000
87	Lò Văn Trường	2010		Lớp 9D2	Thái	Lương Thị Nhoi	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
88	Vị Thị Diệu Linh		2010	Lớp 9D2	Thái	Lù Thị Oì	Chiềng Chung	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
89	Lò Tuấn Anh	2010		Lớp 9D2	Thái	Lò xuân Thu	Chiềng An	Khuyết tật	150.000	4	600.000
90	Tùng Đức Duy	2010		Lớp 9D3	Thái	Tùng Văn Phương	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
91	Lò Quốc Đạt	2010		Lớp 9D3	Thái	Lò Văn Tiến	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
92	Tùng Khánh Ly		2010	Lớp 9D3	Thái	Tùng Văn Dũng	Phiêng Ban	Bản KK	150.000	4	600.000
93	Cà Thị Yến Nhi		2010	Lớp 9D3	Thái	Cà văn Kiên	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
94	Quảng Văn Quý	2010		Lớp 9D3	Thái	Quảng Văn Hương	Huổi Púng	Bản KK	150.000	4	600.000
95	Lò Thanh Thủy	2010		Lớp 9D3	Thái	Lò Văn Cu	Bản Cha	Bản KK	150.000	4	600.000
96	Lương Mai Nhi	2010		Lớp 9D3	Thái	Quảng Thị Hịa	Co Chai	Hộ nghèo	150.000	4	600.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

Kèm theo Thông báo số: **1554** /TB - PGDĐT, ngày **18** tháng **10** năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường THCS xã Thanh Xương											
1	Nguyễn Đức Duy	2012		7B3	Kinh	Nguyễn Thị Chính	Đội 18 -Thanh Xương	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
2	Quàng Văn Khánh Hảo	2011		8C1	Khơ mú	Quàng Văn Lý	Pú Thầu 1- Xã Thanh Xương	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
3	Nguyễn Duy Phong	2013		6A4	Kinh	Nguyễn Ngọc Sơn	Xã Mường Luân -ĐB Đông	Khu vực III	150.000	4	600.000
4	Hạng Giang Minh Châu		2013	6A4	Mông	Giảng Thị Kìa	Bản trống Giông-B-Xã Pù Nhứt -ĐBĐ	Khu vực III	150.000	4	600.000
5	Đieu Thái Gia Hân	2013		6A4	Thái	Thái Hoàng chung	Bản Tia Ló A- Xã Noong U -ĐBĐ	Khu Vực III	150.000	4	600.000
6	Lò Duy Hưng	2012		7B3	Thái	Lò Thị Khuyên	Xã Noong U -Điện Biên Đông	Khu Vực III	150.000	4	600.000
7	Vị Thị Thanh Hà		2012	7B1	Thái	Lò Thị Bình	Bản Pa kín - Xã Na Tông	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
8	Sùng Thị Khua		2012	7B1	Mông	Sùng A Sênh	Bản Tin Tóc B - xã Pú Hồng	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
9	Lò Duy Nghĩa	2012		7B1	Thái	Lò Thị Sao Mai	Bản Tàu 1 - xã Hua Thanh	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
10	Phan Ngọc Bảo Trâm		2012	7B2	Thái	Lò Thị Інh	Bản Chang Chảo Phá- Nặm Nhùn	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
11	Lê Đức Anh	2012		7b2	Kinh	Tòng Thị Xuân	Bản Na Lao -Xã Sam Mưn - huyện ĐB	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
12	Nguyễn Phương Minh		2012	7b4	Kinh	Nguyễn Thị Hương	Bản Nà Hỷ 1, xã Nà Hỷ, Nặm Pỏ	Khu Vực III	150.000	4	600.000
13	Hoàng Ngọc Văn		2012	7b4	Kinh	Đoàn Thị Hải	Mường Mươn 2 - H Mường Chà	Bản Khó khăn	150.000	4	600.000
14	Lò Ngọc Bảo Châu		2012	7b4	Thái	Lò Thị Bình	Bản Nà Hỷ 3- xã Nà Hỷ -Nặm Pỏ	Khu Vực III	150.000	4	600.000
15	Mai Đức Long		2012	7b4	Kinh	Lò Thị ví	Bản Pa xá Lào-Xã Pa Thom	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
16	Quàng Minh Quآن	2011		8C1	Thái	Quàng Văn Luyến	Bản Cò Chạy 2- Xã Mường Pồn	Khu Vực III	150.000	4	600.000
17	Tòng Ngọc Diệp	2011		8C2	Thái	Lò Thị Thủy	Bản Cò Chạy 2- Xã Mường Pồn	Khu Vực III	150.000	4	600.000
18	Nguyễn Trọng An	2011		8C2	Kinh	Đỗ Thị Ái Xuân	Bản Phiêng Vai-Nặm Kè - M Nhé	Khu Vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
19	Lò Phương Anh	2011		8C2	Thái	Lò Thị Sao Mai	Bản đầu 1- Xã Hua Thanh	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
20	Lò Tùng Lâm	2011		8C3	Thái	Đào Thị Hoa	Bản Mường Pồn 2- xã M Pồn	Khu Vực III	150.000	4	600.000
21	Lò Hoàng Nguyên	2010		8C3	Thái	Lò Văn Nhuit	Bản Na Há - Xã Phu Luông	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
22	Quảng Duy Khánh	2011		8C3	Thái	Lò Thị Hùng	Bản Xi Cò- Kéo Lông -ĐB Đông	Khu vực III	150.000	4	600.000
23	Trần Diệp Anh		2011	8C4	Kinh	Nông Thị Tâm	Bản mới 2, Chả Cang- Nậm Pồ	Khu Vực III	150.000	4	600.000
24	Quảng Anh Long	2010		9D3	Thái	Quảng Thị Hòa	Bản Nà Hỳ 1 -xã Nà Hỳ Nậm Pồ	Khu Vực III	150.000	4	600.000
25	Cà Thị Ngọc Khánh		2010	9D1	Thái	Lò Thị Nhân	Đội 6-Bản Bông cũ -Noong Hết	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
26	Đào Phương Trinh		2010	9D2	Kinh	Đào Văn Tuấn	Bản Phiêng Mường B-ĐB Đông	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
27	Lò Tuấn Long	2013		6A3	Lào	Lò Thị Kim Sơn	Bản Xẻ - Xã Phu Luông - huyện Điện Biên	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
28	Lương Thị Phương Lan		2007	9D1	Thái	Lò Thị Hoa	Bản Nà Hì 3, Xã Nà Hỳ - Điện Biên	Bản Khó Khăn	150.000	4	600.000
29	Lò Đức Duy	2012		7B2	Thái	Lương Thị Đoàn	Bản Bảnh - Xã Thanh Xương	Khuyết tật	150.000	4	600.000
30	Lương Yến Chi		2012	7B2	Thái	Lò Thị Yên	Đội 16 - Xã Thanh Xương	Khuyết tật	150.000	4	600.000
31	Lò Phúc Lập	2012		7B2	Thái	Lò Thị Thủy	Bản Long Pọt- Sam Mún	Khuyết tật	150.000	4	600.000
32	Lò Thị Ngọc Hải		2009	9D1	Thái	Lương Thị Mai	Bản Pá Đông - Thanh Xương	Khuyết tật	150.000	4	600.000
33	Lò Lâm Hùng	2013		6A3	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Ten B- Xã Thanh Xương	Khuyết tật	150.000	4	600.000



(Kèm theo Thông báo số: 15.54 /TB - PGDDĐT, ngày 28. tháng 10 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên)

BND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
HÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	
		Nam	Nữ									
Trường THCS xã Noong Luống												97.200.000
1	Lường Ngọc Duy	2013		6A1	Thái	Lường Văn Điện	Thôn Hưng Biên	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
2	Lường Hải Dương	2013		6A1	Thái	Quàng Thị Tâm	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
3	Lò Minh Anh	2013		6A1	Thái	Bạc Thị Ôn	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000	
4	Lò Thị Thảo Anh		2013	6A1	Thái	Lường Thị Nguyên	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
5	Tòng Thị Ngọc Diệp		2013	6A1	Thái	Lò Thị Ngọc	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
6	Tòng Nhật Hải Đăng	2013		6A1	Thái	Tòng Văn Chưa	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000	
7	Lường T. Nhật Hằng		2013	6A1	Thái	Lò Thị Kim	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
8	Quàng Quang Hưng	2013		6A1	Thái	Lò Thị Trinh	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000	
9	Lò Anh Kiệt	2013		6A1	Thái	Lò Thị Tươi	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000	
10	Lò Thị Minh Tâm		2013	6A1	Thái	Lò Văn Bình	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
11	Lường Bảo Yên		2013	6A1	Thái	Quàng Thị Phương	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
12	Lò Nhã Uyên		2013	6A1	Thái	Lò Văn Linh	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000	
13	Lường Duy Nhật	2013		6A2	Thái	Lò Thị Hươi	Bản Co Luổng	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
14	Lò Gia Bảo	2013		6A2	Thái	Lò Thị Thương	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000	
15	Tòng Thị Thùy Chi		2013	6A2	Thái	Lò Thị Bích Chung	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
16	Quàng Đông Duy	2013		6A2	Thái	Quàng Thị Thơ	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
17	Tòng Trần Ngọc Dương		2013	6A2	Thái	Tòng Văn Khôi	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000	
18	Quàng Văn Đạt	2013		6A2	Thái	Cà Thị Hươi	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000	

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Năm	Nữ								
19	Trần Quang Huy	2013		6A2	Kinh	Lò Thị Tâm	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
20	Quàng Văn Hùng	2013		6A2	Thái	Cà Thị Cương	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
21	Lò Trung Kiên	2013		6A2	Thái	Lò Văn Toản	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
22	Lường Thị Diệu Linh		2013	6A2	Thái	Lường Văn Thuận	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
23	Quàng Nhật Minh	2013		6A2	Thái	Quàng Văn Thành	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
24	Tòng Nhật Minh	2013		6A2	Thái	Tòng Văn Trung	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
25	Lò Thị Vy Oanh		2013	6A2	Thái	Lường Thị Phương	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
26	Lò Bảo Trang		2013	6A2	Thái	Vì Thị Thắm	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
27	Lò Ánh Tuyết		2013	6A2	Thái	Lò Thị Hiền	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
28	Lò Văn Anh		2012	6A3	Thái	Lò Thị Thoa	Bản Noong Luống	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
29	Lò Ngọc Linh		2013	6A3	Thái	Lò Thị Phương	Bản Noong Luống	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
30	Lò Việt Anh	2013		6A3	Thái	Lò Thị Xuyên	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
31	Cà Gia Bảo	2013		6A3	Thái	Cà Văn Hoa	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
32	Lò Anh Duy	2013		6A3	Thái	Quàng Thị Hoa	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
33	Lò Bảo Duy	2013		6A3	Thái	Lường Thị Phong	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
34	Lò Tiến Dũng	2013		6A3	Thái	Lò Văn Giót	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
35	Cà Thị Ngọc Hân		2013	6A3	Thái	Cà Văn Hoàn	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
36	Đinh Gia Hân		2013	6A3	Kinh	Nguyễn Thị Dịu	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
37	Quàng Bảo Huy	2013		6A3	Thái	Cà Thị Phiên	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
38	Lò Thu Hương		2013	6A3	Thái	Tòng Thị Ngẫun	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
39	Lò Văn Long	2013		6A3	Thái	Lò Văn Xoan	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
40	Lò Bảo Quyên		2013	6A3	Thái	Lù Thị Dinh	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
41	Lò Thị Huyền Trang		2013	6A3	Thái	Tòng Thị Thuỷ	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
42	Tòng T. Q.Trang		2013	6A3	Thái	Lường Thị Hoa	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000



TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
13	Lò Văn Việt	2013		6A3	Thái	Lò Văn Ngọc	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
14	Lò Thị Thủy Vy		2013	6A3	Thái	Lò Thị Tâm	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
15	Quàng Phương Vy		2013	6A3	Thái	Quàng Văn Hồng	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
16	Quàng Long Quân	2012		7B1	Thái	Lò Văn Hải	Bản Liếng	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
47	Lò Thị Bảo Trâm		2012	7B1	Thái	Lò Thị Xuyên	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
48	Quàng Thị Tuyết		2012	7B1	Thái	Lò Thị Sinh	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
49	Bùi Quỳnh Anh		2012	7B1	Kinh	Nguyễn Thị Lan Hương	Bản Phiêng Vai, xã Nậm Kè, Mường Nhé	TBDBKK	150.000	4	600.000
50	Lò Minh Châu		2012	7B1	Thái	Lò Văn Tiến	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
51	Lò Thị Chinh		2012	7B1	Thái	Lò Thị Tâm	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
52	Quàng Thị Thu Hiền		2012	7B1	Thái	Lò Thị Miên	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
53	Quàng Nhật Huy	2012		7B1	Thái	Tòng Thị Minh	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
54	Bùi Duy Nam	2012		7B1	Kinh	Trần Thị Thanh Huyền	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
55	Tòng Bảo Nam	2012		7B1	Thái	Tòng Văn Thánh	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
56	Đoàn Thảo Ngân		2012	7B1	Kinh	Đoàn Văn Hiền	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
57	Quàng Đức Phát	2012		7B1	Thái	Vì Thị Thor	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
58	Hoàng Như Quân	2012		7B1	Kinh	Nguyễn Thị Hà	Bản Háng Lìa A, xã Háng Lìa, Điện Biên Đông	TBDBKK	150.000	4	600.000
59	Lò Tuấn Tài	2012		7B1	Thái	Tòng Văn Sinh	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
60	Lò Thị Hải Yến		2012	7B1	Thái	Lò Thị Thủy	Bản chiềng Tông, xã Thanh Yên	TBDBKK	150.000	4	600.000
61	Quàng T Bông Sen		2012	7B1	Thái	Lò Thị Suong	Bản Chả xã Pú Hồng Điện Biên Đông	TBDBKK	150.000	4	600.000

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
62	Lương Ngọc Tiên		2012	7B2	Thái	Lò Thị Vinh	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
63	Vì Bao An		2012	7B2	Thái	Tao Thị Lợi	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
64	Lò Nhật Bằng		2012	7B2	Thái	Lò Văn Thân	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
65	Quảng Lệ Chi		2012	7B2	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
66	Quảng Tuệ Chi		2012	7B2	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
67	Quảng Thị Lan Chi		2012	7B2	Thái	Lò Văn Xoan	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
68	Lò Quốc Cường	2012		7B2	Thái	Lò Thị Dem	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
69	Tòng Trung Dũng	2012		7B2	Thái	Tòng Văn Biên	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
70	Quảng Minh Khải	2012		7B2	Thái	Cà Thị Thương	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
71	Lò Duy Khánh	2012		7B2	Thái	Lò Văn Khoa	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
72	Lò Duy Lâm	2012		7B2	Thái	Lò Văn Linh	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
73	Quảng Văn Tài	2012		7B2	Thái	Quảng Văn Biên	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
74	Cà Thị Xuân Thu		2012	7B2	Thái	Cà Văn Tĩnh	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
75	Quảng Thị Anh Thu		2012	7B2	Thái	Lò Thị Xuân	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
76	Quảng Trung Thông	2012		7B2	Thái	Quảng Văn Thắng	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
77	Cà Hà Trang		2012	7B2	Thái	Hoàng Thị Tú Uyên	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
78	Lò Thị Trang		2012	7B2	Thái	Lò Văn Mai	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
79	Quảng Thị Quỳnh Trang		2012	7B2	Thái	Tòng Văn Tâm	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
80	Lò Diễm Kiều		2012	7B3	Thái	Cà Thị Hồng	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
81	Cà Quốc Việt	2012		7B3	Thái	Lò Thị Sinh	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
82	Lò T. Bảo Chi		2012	7B3	Thái	Lò Văn Linh	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
83	Lò T. Mai Lan		2012	7B3	Thái	Lò Thị Cương	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
84	Cà Duy Tùng	2012		7B3	Thái	Cà Văn Cường	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
85	Lò T. Văn Trang		2012	7B3	Thái	Lò Thị Thương	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
86	Quang Hoàng Khải	2012		7B3	Thái	Lò Thị Hồng	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
87	Trần Thị Thu Hiền		2012	7B3	Kinh	Lò Thị Dung	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
88	Lò Trinh Gia Bảo	2012		7B3	Thái	Lò Văn Sơn	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
89	Quàng Văn Hùng	2012		7B3	Thái	Tòng Thị Thu	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
90	Lương Hồng Ngọc		2012	7B3	Thái	Cà Thị Nhung	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
91	Lương Hải Yến		2012	7B3	Thái	Cà Thị Nhung	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
92	Lò Khánh Huy	2012		7B3	Thái	Lò Thị Lả	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
93	Lò Thị Yến Nhi		2012	7B3	Thái	Lò Văn Tiến	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
94	Tòng Nhật Linh		2011	8C1	Thái	Tòng Văn Suong	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
95	Quàng T. Phương Nhung		2011	8C1	Thái	Lò Thị Hương	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
96	Quàng Minh Huy	2011		8C1	Thái	Lò Thị Lả	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
97	Quàng Thị Thanh Tuyền		2011	8C1	Thái	Quàng Văn Dũng	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
98	Quàng Việt Anh	2011		8C1	Thái	Quàng Thị Giới	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
99	Lò Thị Ánh Cúc		2011	8C1	Thái	Lò Văn Lâm	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
100	Lương Yến Nhi		2011	8C1	Thái	Lương Văn Trục	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
101	Quàng Thị Minh Huyền		2011	8C1	Thái	Cà Thị Phiên	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
102	Lò Mạnh Quyết	2011		8C1	Thái	Lò Thị Dung	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
103	Lò Hải Duy	2011		8C1	Thái	Lò Văn Thân	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
104	Cà Nam Anh Vũ	2011		8C1	Thái	Cà Văn Phong	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000



TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
05	Tùng Hoàng Dương	2011		8C1	Thái	Tùng Minh Hải	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
06	Cà Thanh Hải	2011		8C1	Thái	Cà Văn Thư	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
07	Lương Văn Khánh	2011		8C1	Thái	Lương Văn Nam	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
08	Cà Thị Bảo Ngọc		2011	8C1	Thái	Cà Văn Hoàn	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
09	Lò Duy Anh	2011		8C1	Thái	Lò Văn Thiên	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
110	Quảng Thị Bảo Nhi		2011	8C1	Thái	Lò Thị Lan	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
111	Đoàn Duy Hoàng	2011		8C1	Thái	Đoàn Văn Hậu	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
112	Quảng Thanh Tùng	2011		8C1	Thái	Quảng Văn Thiêm	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
113	Quảng Bảo Nam	2011		8C1	Thái	Quảng Văn Thành	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
114	Lương Hải Đăng	2011		8C2	Thái	Quảng Thị tâm	Bản Lún	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
115	Vị Thị Minh Hiền		2011	8C2	Thái	Lêng Thị Trang	Bản Co luống	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
116	Lò Văn Quang	2011		8C2	Thái	Lò Thị Phiến	Bản Noong Luống	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
117	Lò Đức Hải	2011		8C2	Thái	Lò Văn Thanh	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
118	Lò Thanh Hạo	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Phương	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
119	Tùng Nhất Huy	2011		8C2	Thái	Tùng Văn Tôm	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
120	Cà Thị Mai Lan		2011	8C2	Thái	Vị Thị Thúy	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
121	Lò Thị Minh		2011	8C2	Thái	Lương Thị Thương	Thôn Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
122	Lò Thị Kim Ngân		2011	8C2	Thái	Lò Văn Khương	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
123	Tùng Tuấn Quyền	2011		8C2	Thái	Lương Thị Hằng	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
124	Tùng T. Diễm Quỳnh		2011	8C2	Thái	Lương Thị Phương	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
125	Tùng T. Hương Quỳnh		2011	8C2	Thái	Lò Thị Thanh	Thôn Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
126	Cà Hoàng Sung	2011		8C2	Thái	Cà Văn Hùng	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
127	Lò Anh Tuấn	2011		8C2	Thái	Lò Văn Sơn	Thôn Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
128	Lò Duy Thạch	2011		8C2	Thái	Lò Văn Thanh	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
129	Lò Duy Thân	2011		8C2	Thái	Lò Thị Bân	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
130	Lò Thị Dung Nhi		2011	8C2	Thái	Lò Văn Xoan	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
131	Lò Thị Huệ		2010	8C2	Thái	Lò Thị Chính	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
132	Lò Thị Thu Hằng		2010	9D1	Thái	Lò Thị Phương	Bản Co Nôm	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
133	Lường Thị Thuỷ Trang		2010	9D1	Thái	Lường Văn Linh	Bản Co Luống	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
134	Vàng Văn Nguyên	2010		9D1	H Mông	Quảng Thị Phương	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
135	Lường Mạnh Quang	2010		9D1	Thái	Cả Thị Phương	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
136	Tòng Thu Bình		2010	9D1	Thái	Tòng Thị Thoan	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
137	Lò Anh Minh	2010		9D1	Thái	Lò Thị Thủy	Bản Thanh Chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
138	Lò Văn Kiên	2010		9D1	Thái	Lò Văn Khánh	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
139	Tòng Thị Phương Linh		2010	9D1	Thái	Tòng Thị Minh	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
140	Lò Thị Kim Ngân		2010	9D1	Thái	Quảng Văn Nhẫu	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
141	Tòng Tiến Đạt	2010		9D1	Thái	Tòng Thị Ngọc Linh	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
142	Lò Văn Tình	2010		9D1	Thái	Cả Văn Khoa	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
143	Tòng Việt Hoàng	2010		9D1	Thái	Tòng Văn Thánh	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
144	Lò Văn Điện	2010		9D1	Thái	Lò Văn Toản	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
145	Lò Chí Kiên	2010		9D1	Thái	Lò Văn Hiền	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
146	Lường Khánh Ly		2010	9D1	Thái	Lò Thị Anh	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
147	Trần Thị Bích Thủy		2010	9D1	Kinh	Trần Đức Lưu	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
148	Quảng Thị Trà My		2010	9D1	Thái	Quảng Văn Tuấn	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
149	Bùi Cẩm Ly		2010	9D1	Kinh	Vũ Thu Hiền	Bản Ngà Phát - xã Chiềng Pha - Thuận Châu - Sơn La	TBDBKK	150.000	4	600.000

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
50	Cà Thị Rươi	2010		9D1	Thái	Cà Thị Rươi	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
51	Quảng Văn Nam	2009		9D2	Thái	Quảng Văn Chính	Bản Co Luống	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
52	Lò Mạnh Hùng	2010		9D2	Thái	Lò Văn Tiên	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
53	Lò Văn Khải	2010		9D2	Thái	Lò Văn Phong	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
54	Lò Thị Phương Anh		2010	9D2	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
55	Lò Thị Bình		2010	9D2	Thái	Lò Văn Tùng	Bản On	TBDBKK	150.000	4	600.000
56	Quảng Mạnh Khôi	2010		9D2	Thái	Lò Thị Hương	Thanh chính	TBDBKK	150.000	4	600.000
57	Vị Thị Trà My		2010	9D2	Thái	Lò Thị Liu	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
58	Lò Thị Ánh Nguyệt		2010	9D2	Thái	Quảng Thị Lan	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000
59	Tòng Ngọc Quyền	2010		9D2	Thái	Tòng Văn Tâm	Bản Liếng	TBDBKK	150.000	4	600.000
60	Lò Thái Sơn	2010		9D2	Thái	Lò Văn Hoan	Bản Co Nôm	TBDBKK	150.000	4	600.000
61	Tòng Văn Thái	2010		9D2	Thái	Tòng Văn Tiến	Bản Huổi Phúc	TBDBKK	150.000	4	600.000
62	Lò Thị Huyền Trang		2010	9D2	Thái	Tòng Thị Hà	Bản Lún	TBDBKK	150.000	4	600.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021ND - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 1554 /TB - PGDDT, ngày 28... tháng 10 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường THCS xã Noong Hết											85.800.000
1	Lò Bảo An	2013		6A1	Thái	Lò Thị Vân	Bản Bông, Noong Hết,DB	Bản DBKK	150.000	4	600.000
2	Lò Mai Linh		2013	6A1	Thái	Cà Thị Yên	Bản Bông, Noong Hết,DB	Bản DBKK	150.000	4	600.000
3	Lò Thị Quỳnh		2013	6A1	Thái	Lò Thị Xôm	Bản Noong Bua, Noong Hết, DB	Bản DBKK	150.000	4	600.000
4	Lò Thị Yến Nhi		2013	6A1	Thái	Lò Văn Định	Bản Bông, Noong Hết,DB	Bản DBKK	150.000	4	600.000
5	Lò Văn Hường	2013		6A1	Thái	Lò Văn Hoa	Bản Bông, Noong Hết,DB	Bản DBKK	150.000	4	600.000
6	Lường Duy Bảo	2013		6A1	Thái	Lường Văn Chung	Bản Noong Bua, Noong Hết, DB	Bản DBKK	150.000	4	600.000
7	Tòng Thị Nhã Uyên		2013	6A1	Thái	Lò Thị Ọi	Bản Noong Bua, Noong Hết, DB	Bản DBKK	150.000	4	600.000
8	Giàng A Phứ	2013		6A1	Mông	Giàng A Thénh	Bản Trung Súa, Keo Lôm, Điện Biên Đông	Xã KV III	150.000	4	600.000
9	Lò Thị Tường Vi		2013	6A1	Thái	Tòng Thị Bích	Bản Huổi Sáy, Mường Tùng, Mường Chà	Xã KV III	150.000	4	600.000
10	Đinh Ngọc Cường	2013		6A1	Kinh	Nguyễn Thị Thương	Thôn Trần Phú, Noong Hết, DB	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
11	Cà Hải Đăng	2013		6A2	Thái	Cà Văn Tuyền	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
12	Cà Khánh Ngọc		2013	6A2	Thái	Đieu Thị Thanh Huyền	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
13	Cà Thị Minh Hào		2013	6A2	Thái	Lường Thị Toan	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
14	Lò Thị Chúc		2013	6A2	Thái	Lò Thị Kiều	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
15	Quảng Thị Hà My		2013	6A2	Thái	Lò Thị Hà	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
16	Vương Quốc Anh	2013		6A2	Nùng	Vương Văn Thanh	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
17	Lò Thị Diệu Linh		2013	6A2	Thái	Lò Thị Thương	Tổ 1, tt Mường Chà, Mường Chà	Xã KV III	150.000	4	600.000
18	Lò Thị Nhã Uyên		2013	6A2	Thái	Lò Văn Thín	Bản Phong Châu, Pa Ham, Mường Chà	Xã KV III	150.000	4	600.000
19	Lèng Đức Mạnh	2013		6A3	Thái	Quảng Thị Doan	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
20	Lò Thị Như Quỳnh		2013	6A3	Thái	Lò Văn Định	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
21	Lường Xuân Nghĩa	2013		6A3	Thái	Lường Thị Phụng	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
22	Quảng Duy Long	2013		6A3	Thái	Quảng Văn Thanh	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
23	Quảng Thị Thu Hà		2013	6A3	Thái	Quảng Văn Ngọc	Bản Cha, Thanh An, ĐB	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
24	Cà Thị Anh Thư		2013	6A3	Thái	Cà Thanh Phương	Bản Nà Hỳ 3, Nà Hỳ, Nậm Pồ	Xã KV III	150.000	4	600.000
25	Lê Bảo Ngọc		2013	6A3	Kinh	Đỗ Thị Thắm	Bản Tia Dĩnh 1, Tia Dĩnh, Điện Biên Đông	Xã KV III	150.000	4	600.000
26	Cà Văn Mạnh	2013		6A3	Thái	Cà Thị Duyên	Bản Bông, Noong Hết	Con hộ nghèo-Khuyết tật	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
27	Lò Văn Bảo	2013		6A3	Thái	Lò Văn Thân	Bản Bông, Noong Hết	Con hộ nghèo-Khuyết tật	150.000	4	600.000
28	Tòng Khánh Huy	2013		6A3	Thái	Cà Thị Kiên	Bản Mớ, Noong Hết, DB	Con hộ nghèo-Khuyết tật	150.000	4	600.000
29	Cà Đức Duy	2013		6A4	Thái	Lường Thị Kim	Bản Bông, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
30	Lò Nhất Nghĩa	2013		6A4	Thái	Lò Văn Chính	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
31	Lò Thị Ngọc Anh		2013	6A4	Thái	Lò Thị Luyến	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
32	Lò Việt Dũng	2013		6A4	Thái	Lò Văn Hương	Bản Bông, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
33	Quàng Thị Gia Hân		2013	6A4	Thái	Lò Thị Tuyết	Bản Bông, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
34	Quàng Thị Yến Nhi		2013	6A4	Thái	Quàng Văn Chính	Bản Bông, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
35	Tòng Gia Bảo	2013		6A4	Thái	Tòng Thị Thương	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
36	Tòng Thế Vũ	2013		6A4	Thái	Tòng Văn Buồn	Bản Bông, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
37	Nguyễn Nhật Linh Nhi		2013	6A4	Kinh	Trần Thị Xuân	Bản Xế, Phu Luông, DB	Xã KV III	150.000	4	600.000
38	Quàng Thị Hồng Yến		2013	6A4	Thái	Quàng Văn Cường	Bản Nậm Hè 2, Hè Muông, DB	Xã KV III	150.000	4	600.000
39	Trần Thị Thanh Hiền		2013	6A4	Kinh	Trần Văn Hoạch	Bản Phi Như B, Phi Như, DBD	Xã KV III	150.000	4	600.000
40	Cà Văn Bắc	2012		7B1	Thái	Quàng Thị Dương	Bản Bông, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
41	Lò Bảo An	2012		7B1	Thái	Lò Thị Hoa	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
42	Lò Bảo Việt	2012		7B1	Thái	Lò Văn Kiên	Bản Bông, Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
43	Lò Đức Hùng	2012		7B1	Thái	Lò Thị Biêng	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
44	Lò Mạnh Quỳnh	2012		7B1	Thái	Lò Thị Tươi	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
45	Lò Nhật Minh	2012		7B1	Thái	Lò Văn Dương	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
46	Lò Thị Ngọc Anh		2012	7B1	Thái	Lò Văn Định	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
47	Lò Thị Thanh Nhân		2012	7B1	Thái	Quảng Thị Thinh	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
48	Lò Văn Tú	2011		7B1	Thái	Lò Thị Phương	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
49	Lò Việt Cường	2012		7B1	Thái	Lò Thị Tươi	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
50	Quảng Thị Ánh Tuyết		2012	7B1	Thái	Lường Thúy Mai	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
51	Tòng Hải Yến		2012	7B1	Thái	Lường Thị Vân	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
52	Tòng Thị Phương Hạnh		2012	7B1	Thái	Tòng Văn Vinh	Bản Noong Bua, Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
53	Cả Đức Trọng	2012		7B1	Thái	Cả Văn Long	Na Có Sa , Nậm Pồ	Xã KV III	150.000	4	600.000
54	Lò Hải Đăng	2012		7B1	Lào	Lường Thị Hương	Bản Xé, Phu Luông	Xã KV III	150.000	4	600.000
55	Đỗ Thành Đạt	2011		7B1	Kinh	Nguyễn Thị Tâm	Thôn Hoàng Công Chát, Thanh An	Khuyết tật	150.000	4	600.000
56	Lò Đức Duy	2012		7B1	Thái	Lò Thị Thoa	Bản Noong Hết, Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
57	Cả Tiến Đạt	2012		7B2	Thái	Cả Văn Thành	Noong Bua - Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000
58	Lò Minh Hằng		2012	7B2	Thái	Lò Thị Hoài	Bản Bông-Noong Hết	Bản ĐBKk	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hệ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
59	Lò Thị Bình An		2012	7B2	Thái	Lò Thị Tún	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
60	Lò Thị Ngọc Lan		2012	7B2	Thái	Lò Văn Cương	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
61	Lò Thị Thùy Linh		2012	7B2	Thái	Quảng Thị Vân	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
62	Lò Việt Hoàng		2012	7B2	Thái	Lò Thị Duyên	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
63	Lương Minh Huy		2012	7B2	Thái	Lương Thị Vương	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
64	Nguyễn Ngọc Hữu		2012	7B2	Thái	Tòng Thị Chính	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
65	Quảng Mạnh Kiên		2012	7B2	Thái	Quảng Văn Hòa	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
66	Lò Hải Đạt		2011	7B2	Thái	Lò Thị Suối	Bản mớ - Noong Hết	Cận nghèo ở với ông bà - khuyết tật	150.000	4	600.000
67	Đỗ Đức Phong			7B2	Kinh	Trần Thị Hoa	Tân Biên - Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
68	Lò Văn Bảo		2012	7B2	Thái	Tòng Thị Xuân	Bản mớ - Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
69	Vì Thị Bảo Trâm		2012	7B2	Thái	Vì Văn Thiêm	Noong Hết - Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
70	Cà Thị Uyên Nhi		2012	7B3	Thái	Cà Văn Tinh	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
71	Lò Minh Nhật		2012	7B3	Thái	Lò Văn Lâm	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
72	Lò Thăng Long		2012	7B3	Thái	Lò Thị Thi	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
73	Lương Đức Mạnh		2011	7B3	Thái	Lò Thị Diên	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
74	Lường Phương Nhi		2012	7B3	Thái	Quảng Thị Thoa	Noong Bua - Noong Hết	Bản ĐBK	150.000	4	600.000
75	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		2012	7B3	Kinh	Lò Thị Hồng Phượng	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBK	150.000	4	600.000
76	Tòng Tiến Phương	2012		7B3	Thái	Tòng Tiến Thành	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBK	150.000	4	600.000
77	Trần Hải Long	2012		7B3	Kinh	Hứa Thị Phương	Bản On -Noong Luống	Bản ĐBK	150.000	4	600.000
78	Lê Hà Vân Nhi		2012	7B3	Kinh	Hà Thị Thu Thủy	Bản Háng Lìa- xã Háng Lìa- ĐBĐ	Xã KV III	150.000	4	600.000
79	Lò Thị Trà My		2012	7B3	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Phiêng Muồng A, xã Pú Hồng, Điện Biên Đông Điện Biên	Xã KV III	150.000	4	600.000
80	Cà Đức Khánh	2012		7B3	Thái	Lò Thị Dân	Bản Mớ- Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
81	Lường Văn Đạt	2012		7B3	Thái	Lò Thị Hóa	Noong Bua - Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
82	Tòng Thị Thanh Quỳnh		2012	7B3	Thái	Lò Thị Quý	Bản Bông - Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
83	Cà Thị Bảo An		2012	7B4	Thái	Quảng Thị Yên	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBK	150.000	4	600.000
84	Đào Hải Lâm	2012		7B4	Kinh	Lò Thị Chiến	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBK	150.000	4	600.000
85	Vừ Duy Long	2012		7B4	H'Mông	Quảng Thủy Thanh	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBK	150.000	4	600.000
86	Đàm Minh Quân	2013		7B4	Kinh	Nguyễn Thị Hiền	Bản Đoàn Kết, Chung Chải, Mường Nhé	Xã KV III	150.000	4	600.000
87	Lò Nhật Huy	2012		7B4	Thái	Lò Thị Bình	Bản Tia Ghênh - Keo Lôm - ĐBĐ	Xã KV III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
88	Nguyễn Hoàng Long	2012		7B4	Kinh	Trần Thị Mỹ	Nà Hỷ 3 - xã Nà Hỷ - H.Nậm Pồ	Xã KV III	150.000	4	600.000
89	Cà Thị Thúy Nga		2011	8C1	Thái	Lò Thị Quyên	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
90	Lò Văn Phúc	2011		8C1	Thái	Lò Văn Hiến	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
91	Quảng Thị Hải Yến		2011	8C1	Thái	Lò Thị Quy	Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
92	Hồ Phương Thảo		2011	8C1	Kinh	Trần Thị Len	Mường Anh 1-Pa Ham-Mường Chà	Xã KV III	150.000	4	600.000
93	Quảng Khánh Duy	2011		8C1	Thái	Quảng Văn Khánh	Nậm Vĩ, Xã Nậm Vĩ - Mường Nhé	Xã KV III	150.000	4	600.000
94	Quảng Trần Tuệ Nhi		2011	8C1	Thái	Trần Thị Nết	Mường Anh 1-Pa Ham-Mường Chà	Xã KV III	150.000	4	600.000
95	Lò Chấn An	2009		8C1	Thái	Lò Văn Đình	Bản Bông - Noong Hết	Cần nghèo - khuyết tật	150.000	4	600.000
96	Quảng Thị Thùy Lâm		2011	8C1	Thái	Tòng Thị Vóng	Noong Hết - Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
97	Cà Hoàng Bách	2011		8C2	Thái	Cà Văn Quyết	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
98	Cà Thị Phương Thảo		2011	8C2	Thái	Lò Thị Yến	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
99	Lò Anh Tuấn	2011		8C2	Thái	Lò Thị Diên	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
100	Lò Thị Hà Anh		2011	8C2	Thái	Quảng Thị Tươi	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
101	Lò Thị Trà My		2011	8C2	Thái	Cà Thị Xiên	Noong Bua- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
102	Lò Văn Hải	2011		8C2	Thái	Lò Văn Lang	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
103	Lường Quyết Đạt	2011		8C2	Thái	Lường Thị Dương	Noong Bua- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
104	Quảng Duy Khoa	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Hương	Bản Bông- Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
105	Tòng Đức Trọng	2011		8C2	Thái	Lò Thị Nương	Bản Bông- Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
106	Trương Đức Ninh	2011		8C2	Thái	Trương Văn Biên	Noong Bua- Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
107	Quảng Văn Tùng	2011		8C2	Thái	Lò Thị Sinh	Bản Mớ- Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
108	Cà Thị Kim Huệ		2011	8C3	Thái	Lò Thị Chiến	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
109	Lò Thị Khánh Ly		2011	8C3	Thái	Lò Thị Suyền	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
110	Lò Tiến Dũng	2011		8C3	Thái	Cà Thị Thiên	Bản Bông, Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
111	Nguyễn Huy Tài	2011		8C3	Kinh	Dương Thị Thanh Thủy	Bản Nà Hỳ 2, Nà Hỳ, Nậm Pồ	Xã KV III	150.000	4	600.000
112	Lò Hoàng Đại	2010		9D1	Lào	Vì Thị Tươi	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
113	Hà Trần Hoài An	2010		9D1	Tày	Trần Thị Thủy	Xã Tia Đình - Điện Biên Đông	Xã KV III	150.000	4	600.000
114	Lò Thị Kim Oanh		2010	9D1	Thái	Cà Thị Hiên	Pá Mỳ- Mường Nhé	Xã KV III	150.000	4	600.000
115	Trần Khánh Dư	2010		9D1	Kinh	Vũ Thị Năm	Bản Lọng Quán, Sam Mứn, ĐB	Khuyết tật	150.000	4	600.000
116	Lò Duy Nam	2010		9D2	Thái	Lò Thị Phương	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
117	Lò Minh Đạt	2010		9D2	Thái	Lò Văn Thi	Bản Noong Bua - Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
118	Lò Minh Đức Vĩ	2010		9D2	Thái	Lò Văn Thuận	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000
119	Lò Minh Vũ	2010		9D2	Thái	Lường Thị Khánh	Bản Bông - Noong Hết	Bản ĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
120	Lò Thành Hải	2010		9D2	Thái	Lò Văn Phóng	Bản Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
121	Lò Thị Anh Thư		2010	9D2	Thái	Lường Thị Loan	Bản Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
122	Lò Thị Tâm Như		2010	9D2	Thái	Lò Thị Tươi	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
123	Lò Thị Thùy Trâm		2010	9D2	Thái	Quảng Thị Thinh	Bản Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
124	Lò Văn Đạt	2010		9D2	Thái	Tòng Thị Biên	Bản Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
125	Lò Văn Huân	2010		9D2	Thái	Lò Văn Hoa	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
126	Tòng Kiều Vy		2010	9D2	Thái	Lò Thị Tâm	Bản Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
127	Tòng Mạnh Cường	2010		9D2	Thái	Nguyễn Thị Hào	Bản Bông - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
128	Vì Thị Nga		2010	9D2	Thái	Quảng Thị Thinh	Bản Noong Bua - Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
129	Lò Mạnh Cường	2010		9D2	Thái	Lò Thị Xôm	Bản Noong Bua - Noong Hết	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
130	Vì Văn Trường	2010		9D2	Thái	Lò Thị Thinh	Bản Phú, Noong Hết,DB	Con hộ nghèo	150.000	4	600.000
131	Cà Anh Vũ	2010		9D3	Thái	Quảng Thị Dương	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
132	Cà Thị Tân Nhân		2010	9D3	Thái	Cà Văn Biên	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
133	Lò Thị Nguyệt Quế		2010	9D3	Thái	Lò Thị Chung	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
134	Lò Thị Tâm		2010	9D3	Thái	Lường Thị Duyên	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000
135	Lò Thị Thanh Thảo		2010	9D3	Thái	Lường Thị Thân	Bản Bông- Noong Hết	Bản DBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
136	Lò Thị Yến Nhi		2010	9D3	Thái	Lò Văn Đồng	Bán Bông- Noong Hết	Bán ĐBKk	150.000	4	600.000
137	Trần Ngọc Quyền	2010		9D3	Kinh	Lò Thị Uôn	Bán Noong Bua- Noong Hết	Bán ĐBKk	150.000	4	600.000
138	Đào Thành Long	2010		9D3	Thái	Lò Thị Chiến	Bán Bông- Noong Hết	Bán ĐBKk	150.000	4	600.000
139	Đỗ Phương Nhi		2010	9D3	Kinh	Trần Thị Đan	Phì Nhừ - Điện Biên Đông	xã KV III	150.000	4	600.000
140	Đỗ Thảo Nguyên		2010	9D3	Kinh	Đỗ Thị Quyền	Bán Mới 1, Chà Cang, Nậm Pồ	Xã KV III	150.000	4	600.000
141	Nguyễn Thanh Thúy		2010	9D3	Kinh	Dương Thị Thanh Thủy	Bán Nà Hỳ 2, Nà Hỳ, Nậm Pồ	Xã KV III	150.000	4	600.000
142	Quảng Đức Khải	2010		9D3	Thái	Quảng Thị Dung	Nậm Kè- Mường Nhé	xã KV III	150.000	4	600.000
143	Vương Bảo Trang		2010	9D3	Kinh	Nguyễn Thị Hiền	Phìn Hồ - Nậm Pồ	Xã KV III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường THCS xã Pom Lót											78.000.000
1	Lường Thị Bích Hoài		2010	9D4	Thái	Nguyễn Thị Len	Bản Huổi Phúc-Noong Luổng	TBDBKK	150.000	4	600.000
2	Quàng Văn Huy	2010		9D4	Thái	Quàng Văn Thiết	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
3	Hoàng Long Hữu	2010		9D4	Thái	Lò Thị Vui	Bản YC II-SM	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
4	Lò Anh Kiệt	2010		9D4	Thái	Cà Thị Tiên	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
5	Lò Thị Ngọc Mai		2010	9D4	Thái	Lường Thị Thoan	Bản Na Dôn-Hệ Muông	Xã khó khăn	150.000	4	600.000
6	Tòng Thị Tâm Như		2010	9D4	Thái	Đèo Thị Đôi	Bản Na Dôn - Hệ Muông	Xã khó khăn	150.000	4	600.000
7	Lò Thị Phương Thảo		2010	9D4	Thái	Cà Thị Minh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
8	Lù Anh Tuấn	2010		9D4	Thái	Quàng Thị Thi	Bản Na Lao- Sam Mùn	TBDBKK	150.000	4	600.000
9	Lò Thị Yến		2010	9D4	Thái	Lò Thị Muội	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
10	Lò Mạnh Cường	2010		9D3	Thái	Lò Văn Hùng	Bản Na Lao- Sam Mùn	TBDBKK	150.000	4	600.000
11	Lò Hải Anh	2010		9D2	Thái	Lò Văn Chính	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
12	Lò Thị Diễm Hằng		2010	9D2	Thái	Lò Thị Tiên	Bản Cang 1 - Sam Mùn	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
13	Lò Văn Khánh	2010		9D2	Thái	Lò Văn Phong	Bản Na -Hai -Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
14	Lò Quốc Khánh	2010		9D2	Thái	Lò Văn Đoàn	Bản Na Lao- Sam Mùn	TBDBKK	150.000	4	600.000
15	Lò Văn Long	2010		9D2	Thái	Lò Văn Nơi	Thôn 6 - Pom Lót	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
16	Quàng Văn Nghĩa	2010		9D2	Thái	Quàng Văn An	Na Dôn - Hệ Muông	TBDBKK	150.000	4	600.000
17	Cà Yến Nhi		2010	9D2	Thái	Cà Văn Quỳnh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
18	Lò Thị Thanh Thảo		2010	9D2	Thái	Lò Văn Hóa	Đội 15 (NH 1)- Xã Pom Lót	Hộ Nghèo	150.000	4	600.000
19	Lò Anh Tuấn	2010		9D2	Thái	Lò Văn Tươi	Đội 11 Na Ten - Pom Lót	nghèo	150.000	4	600.000
20	Lò Chính Thành	2010		9D2	Thái	Lò Thị Niên	xã Luân Giới - DBD	TBDBKK	150.000	4	600.000
21	Lường Văn Dương	2010		9D1	Thái	Lò Thị Lả	Na Lao - Sam Mùn	TBDBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
22	Lương Tiến Đạt	2010		9D1	Thái	Lò Thị Hương	Na Lao - Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
23	Quảng Thanh Hà		2010	9D1	Thái	Quảng Thị Biêng	Yên Cang 2 - SM	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
24	Quảng Tuấn Hưng	2010		9D1	Thái	Cà Thị Biêng	Na Hai- Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
25	Cà Tấn Nguyên	2010		9D1	Thái	Vị Thị Mai	Na Dôn - Hệ Muông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
26	Cà Thùy Trang		2010	9D1	Thái	Cà Thị Minh	Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
27	Lò Văn Tư	2010		9D1	Thái	Lò Văn Tâm	Na Hai - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
28	Lò Huy Vũ	2010		9D1	Thái	Lò Thị Thơm	Na Dôn - Hệ Muông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
29	Lò Hà Vy		2010	9D1	Thái	Vị Thị Ánh	Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
30	Lò Thị Hà Vy		2010	9D1	Thái	Lò Thị Hoa	Na Lao - Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
31	Lò Khánh Duy	2011		8C4	Thái	Lò Thị Pánh	Đội 12 (Pá Nâm)- P.Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
32	Lò Minh Đức	2011		8C4	Thái	Lò Thị Thanh	Na Hai - P.Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
33	Lò Thu Huệ		2011	8C4	Thái	Lò Thị Muôn	Na Hai - P.Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
34	Lò Chấn Khang	2011		8C4	Thái	Cà Thị Hạnh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
35	Lò Đức Long	2011		8C4	Thái	Lò Văn Diên	Na Lao - S.Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
36	Nguyễn Sỹ Long	2011		8C4	Kinh	Trần Thị Huệ	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
37	Phạm Huy Nhật	2011		8C4	Thái	Quảng Thị Nhung	Đội 4- chiềng xôm-SM	Khuyết tật	150.000	4	600.000
38	Quảng Thị Yến Nhi		2011	8C4	Thái	Cà Thị Toan	Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
39	Đỗ Minh Sơn	2011		8C4	Kinh	Nguyễn Thị Hoa	Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
40	Quảng Ngọc Sơn	2011		8C4	Thái	Lò Thị Thương	Na Lao - S.Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
41	Lò Đức Thịnh	2011		8C4	Thái	Lò Thị Tươi	Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
42	Quảng Thị Ngọc Anh		2011	8C3	Thái	Cà Văn Sơn	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
43	Cà Thị Hiền		2011	8C3	Thái	Quảng Thị Minh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
44	Trịnh Gia Huy	2011		8C3	Nùng	Sầm Thị Ngân	Keo Lôm - Điện Biên Đông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
45	Hoàng Khánh Hưng	2011		8C3	Kinh	Nguyễn Thị Quyết	Keo Lôm - Điện Biên Đông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
46	Nguyễn Quang Linh	2011		8C3	Kinh	Nguyễn Thị Thu	xã Pủ Hồng - Điện Biên Đông	TBĐBKK	150.000	4	600.000
47	Lò Thị Mai Trâm		2011	8C3	Thái	Quảng Thị Thắm	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
48	Lò Anh Tuấn	2011		8C3	Thái	Cà Thị Thanh Hoà	xã Na Sang - Mường Chà	TBĐBKK	150.000	4	600.000
49	Nguyễn Quang Vinh	2011		8C3	Kinh	Vũ Thị Ngọc Thương	Noong U - Điện Biên Đông	TBĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ, Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
50	Nguyễn Thị Bảo	2011		8C2	Kinh	Nguyễn Thị Vân	Thôn 10-Yên Cang-Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
51	Quảng Luân Hoàng	2011		8C2	Thái	Quảng Văn Lưu	Na Dôn - Hệ Muông	TBDBKK	150.000	4	600.000
52	Lò Thị Kiều Oanh		2011	8C2	Thái	Lò Văn Cường	Bản Na Hai - Pom Lót	Khuyết tật	150.000	4	600.000
53	Lù Thị Ngọc Quyên		2011	8C2	Thái	Lương Thị Yến	Na Lao - S.Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
54	Lương Anh Quý	2011		8C2	Thái	Vì Thị Lan	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
55	Lò Thu Tâm		2011	8C2	Thái	Cà Thị Pàn	Bản Pom Lót - xã Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
56	Vì Thị Hoài Vui		2011	8C2	Thái	Lương Thị Thương	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
57	Lò Thị Tường Vy		2011	8C2	Thái	Nông Thị Kinh	Na Hai I - P.Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
58	Lương Phương Thảo		2011	8C1	Xinh Mưn	Đình Thị Hảo	Xã Chiềng Sơ - ĐBD-T.ĐB	TBDBKK	150.000	4	600.000
59	Cà Văn Thắng	2011		8C1	Thái	Cà Văn Chung	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
60	Lò Thị Bảo Thi		2011	8C1	Thái	Quảng Thị Thơ	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
61	Lò Thị Khánh Thi		2011	8C1	Thái	Lò Thị Kim	Bản Na Hai - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
62	Quảng Thị Ngọc Tiên		2011	8C1	Thái	Quảng Thị Xinh	Bản Co Mý - Sam Mứn	TBDBKK	150.000	4	600.000
63	Lò Mạnh Tùng	2011		8C1	Thái	Lò Văn Tun	Bản Na Dôn - Hệ Muông	TBDBKK	150.000	4	600.000
64	Vì Ánh Dương	2012		7B5	Thái	Vì Văn Hồng	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
65	Lò Tiến Đạt	2012		7B5	Thái	Lò Văn Sơn	Bản Cang - SM	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
66	Quảng Thị Linh Hương		2012	7B5	Thái	Lò Thị Lan	Bản Na Ten - PL	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
67	Lò Thị Ngân		2012	7B5	Thái	Lò Thị Thu	Bản Na Hai - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
68	Quảng Thị Yến Như		2012	7B5	Thái	Quảng Thị Tâm	Bản Na Tông 1 - Na Tông	TBDBKK	150.000	4	600.000
69	Vì Trí Thông	2012		7B5	Thái	Lò Thị Chung	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
70	Lò Văn Duy	2012		7B4	Thái	Lò Thị Minh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
71	Nông Thành Đạt	2012		7B4	Thái	Nông Văn Chiến	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
72	Hà Quang Huy	2012		7B4	Thái	Hà Văn Chinh	Bản Pá Nậm - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
73	Lương Thị Ly Na		2012	7B4	Thái	Lò Thị Kim	Bản Na Dôn - Hệ Muông	TBDBKK	150.000	4	600.000
74	Lò Hồng Quyết	2012		7B4	Thái	Lò Văn Tâm	Bản Na Hai - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
75	Lò Thị Hoài Thu		2012	7B4	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Co Mý - Sam mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
76	Cà Thị Thu Trang		2012	7B4	Thái	Vì Thị Hoa	Bản Na Hai - Pom Lót	TBDBKK	150.000	4	600.000
77	Nguyễn Bình An		2012	7B3	Kinh	Nguyễn Thị Huệ	xã Na Sa Cô - Nậm Pồ	TBDBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
78	Lường Quỳnh Chi		2012	7B3	Thái	Lò Thị Tiếp	Bản Na Hai - Pom Lót	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
79	Lò Thủy Hà		2012	7B3	Thái	Cà Thị Thanh Bình	Phú Hồng- ĐBĐ	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
80	Cà Thị Ngọc Linh		2012	7B3	Thái	Cà Văn Hải	Bản Na Hai - Pom Lót	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
81	Nguyễn Hà Thảo My		2012	7B3	Kinh	Hà Thị Dung	Phú Hồng-ĐBĐ	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
82	Phan Dương Bích Ngọc		2012	7B3	Kinh	Dương Thị Giang	Nậm Chua- Nậm Pồ	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
83	Hà Minh Nhật	2012		7B3	Kinh	Nguyễn Thị Ánh	Xã Nậm Kè- Mường Nhé	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
84	Lường Thị Diệp Nhi		2012	7B3	Thái	Tòng Thị Tươi	Bản Cang - S. Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
85	Lò Thị Anh		2012	7B2	Thái	Lò Thị Tinh	Na Hai- Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
86	Lò Thị Bảo Châm		2012	7B2	Thái	Lò Văn Mạnh	Bản Na ten- Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
87	Vũ Trung Hiếu	2012		7B2	Kinh	Hoàng Thắng Mạnh	Bản Na Hai - Pom Lót	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
88	Lò Văn Huy	2012		7B2	Thái	Lò Thị Oì	Bản Na Lao- Sam Mứn	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
89	Quảng Phương Huy	2012		7B2	Thái	Lù Thị Thiên	Bản Na Lao- Sam Mứn	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
90	Lò Văn Khánh	2012		7B2	Thái	Lò Văn Chung	Na Hai- Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
91	Lò Nguyễn Ngọc Lâm	2012		7B2	Lào	Nguyễn Thuý Vân	xã Mường Luân - ĐBĐ	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
92	Lò Minh Phương	2012		7B2	Thái	Lò Thị Tươi	Na Hai- Pom Lót	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
93	Phạm Anh Tuấn	2012		7B2	Thái	Phạm Văn Đông	B Chiềng Xôm- Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
94	Lò Quỳnh Châm		2012	7B1	Thái	Quảng Thị Thương	Bản Na Lao- Sam Mứn	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
95	Lò Trọng Hiếu	2012		7B1	Thái	Lò Thị Nhâm	Bản Na Hai - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
96	Lò Hồng Thủy		2012	7B1	Thái	Tòng Thị Thiết	Bản Pá Nậm - Pom Lót	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
97	Quảng Văn Tuấn	2012		7B1	Thái	Quảng Văn Sôm	Bản Na Hai - Pom Lót	TĐĐBKK	150.000	4	600.000
98	Lường Thị Ngọc Ánh		2013	6A4	Thái	Lường Văn Khut	Na Ten	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
99	Lường Mạnh Dũng	2013		6A4	Thái	Lường Văn Thiện	Na Dôn - H.Mường	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
100	Quảng Nhật Linh	2013		6A4	Thái	Quảng Văn Tuấn	Pa Kín - Na Tông	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
101	Lò Văn Đức Phong	2013		6A4	Thái	Lò Văn Nghiêm	Na Hai	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
102	Lò Thị Như Quỳnh		2013	6A4	Thái	Lò Thị Thanh	Na Hai -PL	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
103	Tòng Thị Quyên Thảo		2013	6A4	Thái	Lò Thị Diên	Na Hai -PL	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
104	Lò Anh Tuấn	2013		6A4	Thái	Quảng Thị Phương	Na Dôn - H. Mường	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
105	Tòng Thị Minh Tuệ		2013	6A4	Thái	Quảng Thị Bích	Na Hai	Hộ nghèo	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
106	Quảng Thị Hà Vỹ		2013	6A4	Thái	Lò Thị Thom	Na Lao - SM	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
107	Vĩ Anh Vinh	2013		6A4	Thái	Lò Thị Tuyên	Na Hai	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
108	Tổng Công Hoan	2013		6A3	Kinh	Lê Thị Yên	Bản Cang - SM	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
109	Nguyễn Ngọc Hà Ly		2013	6A3	Kinh	Nguyễn Thị Lý	Pú Hồng DB Đông	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
110	Quảng Thị Ly Na		2013	6A3	Thái	Lò Thị Toan	Na Hai-Pom Lót	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
111	Nguyễn Sỹ Thành	2013		6A3	Kinh	Trần Thị Huệ	Na Hai-Pom Lót	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
112	Lương Như Ý		2013	6A3	Thái	Quảng Thị Chu	Yên Cang - SM	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
113	Lò Thị Quỳnh Anh		2013	6A2	Thái	Lò Thị Tiến	Na Dôn - Hệ Muông	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
114	Lò Quốc Bảo	2012		6A2	Thái	Lò Văn Hồng	Na Dôn - Hệ Muông	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
115	Lò Mạnh Cường	2013		6A2	Thái	Lò Thị Quý	Bản Na Lao - Sam Mún	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
116	Trần Thị Mỹ Duyên		2013	6A2	Kinh	Trinh Thị Hiền	Na Hai - Pom Lót	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
117	Nguyễn Lò Hồng Hà		2013	6A2	Thái	Vũ Ngọc Sơn	Bản Na Lao - Sam Mún	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
118	Lò Anh Huy	2013		6A2	Thái	Lương Thị Tinh	Na Lao - Sam Mún	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
119	Lò Việt Hùng	2013		6A2	Thái	Tong Văn Sao	Bản Na Lao - Sam Mún	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
120	Lò Quốc Khánh	2013		6A2	Thái	Lò Văn Biên	Bản Na Lao - Sam Mún	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
121	Lò Thị Yên Nhi		2013	6A2	Thái	Lương Thị Ngân	Na Hai - Pom Lót	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
122	Đỗ Nhã Uyên		2013	6A2	Kinh	Ngô Thị Dung	Tia Ghênh - Keo Lôm-DBD	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
123	Lò Kiều Chinh		2013	6A1	Thái	Lương Thị Phương	Na Dôn - Hệ Muông	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
124	Lương Khánh Duy	2013		6A1	Thái	Cà Thị Vân	Na Dôn - Hệ Muông	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
125	Lò Khánh Đạt	2013		6A1	Thái	Lò Thị Xuân	Na Dôn - Hệ Muông-DB	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
126	Lò Văn Kiên	2011		6A1	Thái	Lò Thị Số	Na Hai - P.Lót	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
127	Hứa Vũ Trà My		2013	6A1	Nùng	Vũ Thị Hà	Thôn 1 - P.Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
128	Tòng Phương Quỳnh		2013	6A1	Thái	Tòng Văn Hoa	Na Lao - Sam Mún	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
129	Cà Thị Huyền Trang		2013	6A1	Thái	Quảng Thị Dung	Na Hai - P.Lót	Bản khó khăn	150.000	4	600.000
130	Quảng Thị Huyền Trang		2013	6A1	Thái	Quảng Thị Biêng	Sam Mún - DB	Hộ nghèo	150.000	4	600.000

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC

HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 154 /TB - PGDDĐT, ngày 28. tháng 10 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	
		Nam	Nữ									
Trường Tiểu học và THCS xã Sam Mứn												64.050.000
1	Tòng Duy Khôi	2018		1A1	Thầu	Tòng Văn Nghiễn	Bản Long Bon xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
2	Lò Trúc Linh		2018	1A1	Thái	Lò Thị Thiên	Bản Ban xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
3	Lường Thị Nhân		2018	1A1	Thái	Lường Văn Điện	Bản Ban xã Sam Mứn	Khuyết Tật	150.000	4	600.000	
4	Lò Thị Diễm		2018	1A2	Thái	Lò Thị Duyên	Bản Long Bon xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
5	Lò Nguyễn Đan	2018		1A2	Thái	Lò Thị Hom	Bản lọng quân - xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
6	Lò Anh Lộc	2017		1A2	Thái	Lò Văn Lả	Bản Ban xã Sam Mứn	Khuyết Tật	150.000	3	450.000	
7	Lò Thủy Vy		2017	2A1	Thái	Vị Thị Tương	Bản long bon - xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
8	Nguyễn Công Hào	2015		3A1	Kinh	Nguyễn Văn Nam	Đội 4 - xã Sam Mứn	Khuyết tật	150.000	4	600.000	
9	Lò Văn Giang	2015		4A	Thái	Lò Văn Hoà	Bản Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
10	Lò Quốc Anh	2014		5A	Thái	Lò Văn Năm	Bản Lọng Bon	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
11	Lò Văn Chà	2014		5A	Thái	Lò Văn Dung	Bản Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
12	Nguyễn Diễm Chi		2014	5A	Kinh	Vũ Thị Sỏ	Thôn 4 - xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
13	Lò Anh Kiệt	2013		5A	Thái	Quảng Thị Hoa	Bản Lọng Quân	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
14	Lường Thanh Tư	2013		6A	Thái	Lò Thị Chở	Bản Ban xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
15	Lò Thị Thu Trang		2013	6A	Thái	Lò Văn Tâm	Bản Lọng Quân	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
16	Lò Bảo Quân	2013		6A	Thái	Đinh Thị Ngân	Bản Ban xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
17	Đinh Thái Sơn	2013		6A	Thỏ	Đinh Văn Ngươn	Bản Lọng Bon- xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	
18	Lò Anh Tuấn		2012	7A1	Thái	Lò Văn Piếng	Bản Lọng Bon - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
19	Lò Ngọc Thiên Ân	2012		7A1	Thái	Lò Văn Khún	Bản lọng quân - xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
20	Lương Văn Hùng	2011		8A	Thái	Lương Văn Chính	Bản Long Bon - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
21	Lương Văn Vương	2011		8A	Thái	Lương Văn Chính	Bản Long Bon - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
22	Cà Thị Kim Cúc		2010	9A	Thái	Vì Thị Thu	Bản Ban xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
23	Mùa A Hù	2018		1A1	Mông	Sùng Thị Chư	Bản nậm pố 4 - Xã Mường Nhé	BĐBKK	150.000	4	600.000
24	Lò Khánh Ly		2018	1A1	Thái	Lò Thị Nhân	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
25	Lý Vinh Bảo	2018		1A1	Kinh	Lò Thị Doan	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
26	Lò Bích Ngọc		2018	1A2	Thái	Khoảng Khò Xỏ	Bản Tả Lò San Xã Sen Thượng huyện Mường Nhé	BĐBKK	150.000	4	600.000
27	Lò Mai Linh		2018	1A2	Thái	Lò Thị Minh	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
28	Lò Thị Bích Thảo		2018	1A2	Thái	Lò Thị Hằng	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
29	Tòng Đức Sơn	2018		1A2	Thái	Tòng Văn Hùng	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
30	Cà Gia Huy	2017		2A1	Thái	Cà Văn Hùng	Bản Bông -xã Noong het	BĐBKK	150.000	4	600.000
31	Lò Kim Bảo An		2017	2A1	Thái	Lò Thị Thiên	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
32	Hoàng Mai Trinh		2017	2A1	Kinh	Hoàng Văn Quân	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
33	Tòng Tiến Đạt	2017		2A1	Thái	Lương Thị Thương	Bản chống A xã Xa Dung - HDB Đông	BĐBKK	150.000	4	600.000
34	Cà Duy Tân	2017		2A2	Thái	Lò Thị Minh	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
35	Lò Gia Hưng	2017		2A2	Thái	Lò Thị Giang	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
36	Quảng Thị Thanh		2017	2A2	Thái	Khoản Go Xừ	Bản Ta Lò San - Huyện Mường Nhé	Khu vực III	150.000	4	600.000
37	Lương Duy Nam	2017		2A2	Thái	Lò Thị Mai	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
38	Lò Thị Ngọc Hân		2017	2A2	Thái	Quảng Thị Minh	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
39	Quảng Đức Mạnh	2017		2A2	Thái	Quảng Văn Đức	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
40	Lương Gia Bảo	2017		2A2	Thái	Lương Văn Lá	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
41	Hoàng Nhất Khang	2017		2A2	Thái	Lương Thị Dương	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
42	Lương Trọng Tấn	2017		2A2	Thái	Lò Thị Dinh	Bản Ban - xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
43	Lò Thị Minh Tấn	2017		2A2	Tày	Lò Thị Doãn	Bản Ban - xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
44	Lò Thiên Bình	2016		3A1	Thái	Đinh Thị Ngân	Bản Lọng Dóm (Bản ban)	BDBKK	150.000	4	600.000
45	Tòng Nhật Thành	2016		3A1	Thái	Lò thị Mai	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
46	Lường Hải Đăng	2016		3A1	Thái	Lường Văn Đức	Bản Lọng Dóm (Bản ban)	BDBKK	150.000	4	600.000
47	Lò Minh An	2016		3A1	Thái	Lò Văn Chính	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
48	Lường Thị Minh Hằng	2016		3A1	Thái	Lò Thị Nga	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
49	Lò Thị Mai Anh		2016	3A1	Thái	Lò Văn Tiên	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
50	Lò Xuân Trường	2016		3A1	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản Lọng Dóm (Bản ban)	BDBKK	150.000	4	600.000
51	Vì Thị Kiều Trang		2016	3A1	Thái	Vì Thị Xuyên	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
52	Quàng Thiên Long	2016		3A1	Thái	Quàng Văn Kiệt	Bản Xẻ xã Phu Luông	BDBKK	150.000	4	600.000
53	Nguyễn Bảo Long	2016		3A2	Kinh	Nguyễn Huy Nghiệp	Nậm Chim 1- Si Pa Phin NP	Khu vực III	150.000	4	600.000
54	Lường Kim Dung		2016	3A2	Thái	Lường Văn Hương	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
55	Lò Duy Khánh	2016		3A2	Thái	Lò Văn Hải	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
56	Lò Duy Thuận	2016		3A2	Thái	Lường Văn Cương	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
57	Lò Bảo Duy	2016		3A2	Thái	Lò Văn Cương	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
58	Lò Khánh Ly		2016	3A2	Thái	Lò Văn Hoàn	Bản Ban - Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
59	Cà Thị Huyền Trang	2015		4A	Thái	Cà Văn Tuyên	Bản ban xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
60	Hoàng Đoan Trang	2015		4A	Thái	Hoàng Văn Quân	Bản ban xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
61	Lò Thị Kiều Doanh	2015		4A	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản ban xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
62	Lò Thị Bảo An	2015		4A	Thái	Quàng Thị Thông	Bản ban xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
63	Lò Thị Kim Oanh	2014		5A	Thái	Lường Thị Tiên	Bản ban xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
64	Hoàng Thị Hương Cẩm	2014		5A	Thái	Lường Thị Dương	Bản ban xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000
65	Cà Anh Thư	2014		5A	Thái	Cà Văn Hùng	Bản Bông -xã Noong hệt	BDBKK	150.000	4	600.000
66	Lò Thị Hồng Thu		2014	5A	Thái	Quàng Thị Liên	Bản ban xã Sam Mứn	BDBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
67	Lường Thị Bảo Châm		2014	5A	Thái	Lường Văn Toàn	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
68	Lò Thị Hoa Huệ		2014	5A	Thái	Quảng Thị Minh	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
69	Lường Thị Bảo Ngọc		2014	5A	Thái	Lường Văn Toàn	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
70	Lường Thái Sơn	2014		5A	Thái	Lường Văn Chính	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
71	Lò Thị Thanh Hằng		2013	6A	Thái	Lò Văn Hưng	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
72	Lường Thị Định		2013	6A	Thái	Lường Văn Hoàn	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
73	Lò Thị Chính		2013	6A	Thái	Lò Thị Hóa	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
74	Lò Đức Nam	2013		6A	Thái	Lò Thị Chính	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
75	Vì Đức Nhật	2013		6A	Thái	Lò Thị Xuyên	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
76	Quảng Thị Khánh Linh		2013	6A	Thái	Quảng Văn Kiệm	Bản Xé - Xã Phu Luồng	Khu vực III	150.000	4	600.000
77	Lò Thị Kim Oanh		2013	6A	Thái	Quảng Thị Ngọc Loan	Bản ta lết 2, Xã Hệ Muồng	BĐBKK	150.000	4	600.000
78	Vì Thái An	2013		6A	Thái	Vì Văn Tuấn	Bản xì cơ, xã keo lôm - HDB Đông	BĐBKK	150.000	4	600.000
79	Quảng Thị Ngân Hà		2012	7A1	Thái	Quảng Văn Hải	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
80	Lò Bảo Long	2012		7A1	Thái	Quảng Thị Diên	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
81	Lường Thị Mai Tuyết		2012	7A1	Thái	Lường Văn Chính	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
82	Lò Huy Vũ	2012		7A1	Thái	Quảng Thị Khánh	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
83	Lò Mạnh Quân	2012		7A1	Thái	Lò Thị Luyến	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
84	Lường Văn Quyết	2012		7A1	Thái	Cà Thị Kim	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
85	Lò Ngọc Duy	2012		7A1	Thái	Hà Thị Minh	Bản huổi khương, xã Vàng Đáng Nậm Pồ	Khu vực III	150.000	4	600.000
86	Lường Thị Hương Giang		2012	7A2	Thái	Lường Văn Hương	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
87	Lường Phương Vy		2012	7A2	Thái	Lò Thị Dinh	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
88	Hoàng Thị Trà My		2012	7A2	Kinh	Lường Thị Dươn	Bản Ban xã Sam Mứn	BĐBKK	150.000	4	600.000
89	Tòng Thị Thanh Trúc		2012	7A2	Thái	Lò Thị Liên	Bản Huổi Phúc, xã Noong Luống	BĐBKK	150.000	4	600.000
90	Tòng Ngọc Tuyết Nhi		2012	7A2	Thái	Lường Thị Thương	Bản chống A xã Xa Dung - HDB Đông	BĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
91	Tòng Việt Anh	2011		8A	Thái	Lò Thị Mai	Bản ban Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
92	Nguyễn Thu Minh		2011	8A	Kinh	Lương Thị Ngọc	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
93	Lò Bảo Nam	2011		8A	Thái	Lò Thị Dân	Bản ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
94	Quang Tuấn Tú	2011		8A	Thái	Quang Văn Du	Bản Sẻ 1 xã Pu lưông	Khu vực III	150.000	4	600.000
95	Lò Khánh Đạt	2011		8A	Thái	Lò Văn Nương	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
96	Nguyễn Thị Huyền	2011		8A	Kinh	Lộ Thị Loi	Mường Tủng - Mường Chà	Khu vực III	150.000	4	600.000
97	Lò Thị Hạ Vi		2010	9A	Thái	Lò Văn Thanh	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
98	Lò Quốc Bảo	2010		9A	Thái	Lò Văn Xiên	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
99	Lò Đức Hòa	2010		9A	Thái	Lò Thị Diên	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
100	Lương Văn Duy	2010		9A	Thái	Lương Văn Xuân	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
101	Lò Bảo Khang	2010		9A	Thái	Lương Thị Thương	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
102	Lò Thị Bảo Linh		2010	9A	Thái	Lò Văn Hải	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
103	Lương Nhật Quang	2010		9A	Thái	Lò Thị Xuân	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
104	Lò Thị Ngọc Trâm		2010	9A	Thái	Quang Thị Hoa	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
105	Lò Thị Khánh Hoài		2010	9A	Thái	Lò Văn Loan	Bản Ban xã Sam Múm	BDBKK	150.000	4	600.000
106	Quang Thị Kim Oanh		2010	9A	Thái	Quang Văn Du	Bản Xẻ xã Phu Luông	Khu vực III	150.000	4	600.000
107	Lò Thanh Tùng	2010		9A	Thái	Lương Thị Thơ	Bản Lọng Dóm (Bản Ban) xã SM	BDBKK	150.000	4	600.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM, CẤP BÙ HỌC PHÍ THEO NB 81/2021NB - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2024

Kèm theo Thông báo số: 4539/TB - PGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Phòng GD &ĐT huyện Điện Biên

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ									
Trường THCS xã Thanh Nưa												
1	Lò Việt Anh	2013		6A1	Thái	Lò Văn Biên	Tông Khao, Thanh Nưa	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
2	Lò Thị Hồng Diệp		2013	6A1	Thái	Quảng Thị Phương	Bản Na ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
3	Lò Khôi Nguyên	2013		6A1	Thái	Lò Thị Diên	Bản Na ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
4	Lò Minh Quân	2013		6A1	Thái	Lò Thị Thương	Bản Na ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
5	Lò Quốc Việt	2013		6A1	Thái	Quảng Thị Lả	Bản Na ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
6	Lò Khánh Ly		2013	6A1	Thái	Lò Thị Biêng	Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
7	Quảng Khánh Ly		2013	6A1	Thái	Quảng Văn Quý	Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
8	Quảng Phong Quý	2013		6A1	Thái	Lò Thị Hà	Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
9	Sùng Mạnh Dũng	2013		6A1	H'Mông	Mùa Thị Bấu	Háng Á, Rạng Đông, TG	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
10	Vì Xuân Bắc	2013		6A1	Thái	Cà Thị Liên	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
11	Vì Quốc Thành	2012		6A1	Thái	Vì Thị Phụng	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
12	Lò Văn Khai	2013		6A1	Khơ mú	Lò Văn Minh	Co Pục-Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
13	Lò Thị Ngọc Diệp		2013	6A1	Thái	Quảng Thị Chiến	Bản Tàu - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
14	Lò Nam Khánh	2013		6A1	Thái	Lò Văn Kiên	Bản Tàu-Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
15	Quảng Thị Xuân Mai		2013	6A1	Thái	Quảng Văn Quyết	Bản Tàu-Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
16	Lò Việt Nhất	2013		6A1	Thái	Bà: Lò Thị Anh	Bản Tàu-Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
17	Lò Xuân Trường	2013		6A1	Thái	Bác: Lò Văn Chiêm	Bản Tàu-Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
18	Quảng Thị Kim Vi		2013	6A1	Thái	Lò Thị Hiến	Bản Tàu-Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
19	Cà Văn Hòn	2013		6A2	Thái	Lường Thị Kim	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
20	Quảng Thị Thanh Kiều		2013	6A2	Thái	Lò Thị Lả	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
21	Quảng Đình Phong	2013		6A2	Thái	Lường Thị Thu	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
22	Lò Văn Quang	2012		6A2	Thái	Lò Thị Loan	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
23	Quảng Thành Sơn	2013		6A2	Thái	Quảng Văn Lợi	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
24	Quảng Văn Quyền Anh	2013		6A2	Thái	Quảng Văn Ngời	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
25	Lò Ngọc Ánh		2013	6A2	Thái	Lý Thị Minh	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
26	Quảng Hải Đăng	2013		6A2	Thái	Quảng Thị Tuyên	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
27	Lò Thị Thu Hà		2013	6A2	Thái	Lò Thị Nương	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
28	Lò Thị Hằng		2013	6A2	Khơ mú	Lò Thị Nguyệt	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
29	Lò Thị Hoa		2013	6A2	Khơ mú	Lò Thị Hiền	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
30	Quảng Thị Hoa		2013	6A2	Khơ mú	Quảng Văn Hoan	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ									
31	Lò Gia Huy	2013		6A2	Thái	Lò Văn Tâm	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
32	Quảng Thị Huyền		2013	6A2	Kho-mú	Quảng Văn Chung	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
33	Tòng Thị Mai Hương		2013	6A2	Thái	Tòng Văn Lâm	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
34	Quảng Hải Khôi	2013		6A2	Thái	Lò Thị Vân	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
35	Cà Văn Kiệt	2013		6A2	Thái	Quảng Thị Hiền	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
36	Lò Bảo Nam	2013		6A2	Thái	Lò Văn Sơn	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
37	Lù Thái Thịnh	2013		6A2	Thái	Lò Thị Thanh	Hua Thanh - Điện Biên	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
38	Lò Thị Huyền Nhi		2013	6A2	Thái	Lò Thị Thảo	Bản Mế - Thanh Nưa	50%	25.000	4	50.000	Cận nghèo
39	Lò Thùy Dương		2013	6A3	Thái	Lò Văn Sơn	Bản Tàu - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
40	Quảng Văn Duy	2013		6A3	Kho-mú	Quảng Thị Phong	Bản Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
41	Lò Thúy Đình		2013	6A3	Thái	Quảng Thị Phương	Bản Tàu - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
42	Lò Thị Giang		2013	6A3	Thái	Lò Thị Quý	Bản Na Hý - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
43	Lò Thị Hồng Ngọc		2013	6A3	Thái	Lò Thị Việt	Bản Tàu - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
44	Lò Thị Bảo Trang		2013	6A3	Kho-mú	Lò Văn Thế	Bản Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
45	Lò Thị Phương Uyên		2013	6A3	Thái	Lò Thị Dân	Bản Tàu - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
46	Lò Việt Anh	2013		6A3	Thái	Lù Thị Tỷ	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
47	Hoàng Thị Yến Nhi		2013	6A3	Kinh	Lò Thị Định	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
48	Quảng Hà Thực Nhi		2013	6A3	Thái	Lò Thị Mai	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
49	Lò Xuân Quý	2013		6A3	Thái	Lò Văn Quân	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
50	Vì Văn Long	2013		6A3	Thái	Lò Thị Diên	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
51	Lò Thị Xuyên		2013	6A3	Kho-mú	Quảng Thị Thông	Bản Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
52	Lò Minh Nhật	2013		6A3	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
53	Lò Hoàng Anh	2012		7B1	Thái	Lò Văn Ngọc	Bản Hạ - Thanh Nưa	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
54	Quảng Thị Minh Trang		2012	7B1	Thái	Quảng Văn Dung	Co Pao - Thanh Nưa	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
55	Lường Nhật Long	2012		7B1	Thái	Lường Văn Thành	Co Róm - Thanh Nưa	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
56	Quảng Thu Trà		2012	7B1	Thái	Lò Thị Phương	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
57	Lò Thanh Trúc		2012	7B1	Thái	Lường Thị Kim	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
58	Lò Văn Khánh An	2012		7B1	Thái	Lò Thị Lan	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
59	Quảng Thị Biên		2012	7B1	Kho Mú	Lò Thị Chiến	Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
60	Lò Minh Hiếu	2012		7B1	Thái	Lò Văn Hải	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
61	Lò Mai Hương		2012	7B1	Thái	Lường Thị Thím	Bản Tàu 5 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
62	Nguyễn Yến Ly		2012	7B1	Kinh	Quảng Thị Lanh	Bản Tàu 5 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
63	Cà Trọng Nghĩa	2012		7B1	Thái	Cà Văn Niệm	Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
64	Lò Văn Ngọc	2012		7B1	Kho Mú	Lò Văn Huyền	Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
65	Lò Hải Phong	2012		7B1	Thái	Lò Văn Hồng	Bản Tàu 6 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
66	Cà Tuấn Tú	2012		7B1	Thái	Cà Văn Chung	Na Hý - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
67	Lò Thị Thu Thủy		2012	7B1	Thái	Lò Thị Diên	Bản Tàu 6 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ									
68	Lò Thị Anh Thư B		2012	7B1	Thái	Lò Văn Ngọc	Na Hỷ - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
69	Điền Thị Thuý Dương		2012	7B1	Thái	Lò Thị Phương	Nậm Nèn 2, Mường Chà	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
70	Lò Thị Dương		2012	7B1	Thái	Lò Văn Hường	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
71	Lò Minh Kham		2012	7B1	Thái	Lò Văn Quyết	Bản Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
72	Lò Đức Thành		2012	7B1	Thái	Lò Văn Hải	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
73	Lò Thị Nguyệt Ánh		2012	7B1	Khơ-mú	Lò Thị Đôi	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
74	Quảng Thị Ngọc Duyên		2012	7B1	Thái	Quảng Văn Biên	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
75	Lò Thanh Tùng		2012	7B2	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
76	Cà Thị Văn Anh		2012	7B1	Thái	Cà Văn Ảnh	Nà Lóm - Thanh Nua	50%	25.000	4	50.000	Cận nghèo
77	Lò Sinh Hùng		2012	7B2	Thái	Bạc Thị Thoa	Bản Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
78	Lò Trà My		2012	7B2	Thái	Lò Văn Nam	Đội 6 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
79	Lò Thị Việt Mỹ		2012	7B2	Thái	Lò Văn Đình	Đội 6 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
80	Quảng Phương Nam		2012	7B2	Khơ Mú	Quảng Văn Hèo	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
81	Lò Thị Phương Linh		2012	7B2	Thái	Cà Thị Phương	Bản Giảng, Thanh Nua	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
82	Lò Đức Hiếu		2012	7B2	Thái	Lò Văn Dũng	Bản Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
83	Quảng Văn Hoàng		2012	7B2	Khơ Mú	Lò Thị Thu	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
84	Quảng Thế Hưng		2012	7B2	Thái	Quảng Văn Học	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
85	Lò Văn Thế Ngọc		2012	7B2	Thái	Lò Thị Nghĩa	Đội 7 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
86	Lò Thị Lan Oanh		2012	7B2	Thái	Lò Văn Nam	Bản Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
87	Quảng Anh Vũ		2012	7B2	Thái	Quảng Thị Tinh	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
88	Lò Văn Chí		2012	7B2	Khơ Mú	Lò Thị Khún	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
89	Lò Thị Hoa		2012	7B2	Thái	Lò Văn Chiêm	Đội 6 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
90	Lò Thị Hồng Ngọc		2012	7B2	Thái	Quảng Thị Mai	Đội 7 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
91	Lò Thị Lâm Nhi		2012	7B2	Thái	Lò Văn Long	Bản Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
92	Lò Thị Thê		2012	7B2	Khơ Mú	Lò Văn Lún	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
93	Lò Phi Cường		2012	7B2	Thái	Lò Thị Tuyết	Na Hỷ - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
94	Quảng Văn Bảo		2012	7B2	Thái	Quảng Văn Toàn	Đội 5 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
95	Lường Thị Hà		2012	7B2	Thái	Cà Thị Lả	Na Lóm, Thanh Nua	50%	25.000	4	50.000	Cận nghèo
96	Lường Thị Hoa		2012	7B2	Thái	Lường Văn Thương	Na Lóm, Thanh Nua	50%	25.000	4	50.000	Cận nghèo
97	Vàng Tùng Lâm		2012	7B3	Thái	Vì Thị Đan	Hồng Lênh, T.Nua	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
98	Lò Quang Hiếu		2012	7B3	Thái	Lường Thị Thiết	Bản Mên, Thanh Nua	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
99	Lò Thị Hiền		2012	7B3	Lào	Lò Thị Phấn	Bản Na Sang, Núa Ngam	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
100	Quảng Minh Tuấn		2012	7B3	Thái	Quảng Văn Thiêm	Bản Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
101	Lò Mạnh Hoà		2012	7B3	Thái	Tông Thị Lả	Bản Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
102	Lò Thị Thu Linh		2012	7B3	Thái	Lò Thị Hoa	Bản Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
103	Lò Bảo An		2012	7B3	Thái	Lò Văn Hương	Bản Na Hỷ, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
104	Lò Đức Bảo		2012	7B3	Thái	Lò Thị Dương	Đội 6 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tỷ lệ được	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ									
105	Vũ Thị Mỹ Chi		2012	7B3	H' Mông	Vàng Thị Khua	Pa Sáng - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
106	Quàng Văn Dân		2012	7B3	Khơ Mú	Quàng Văn Siên	Bản Co Pục,Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
107	Lò Đức Duy		2012	7B3	Thái	Lò Văn Thành	Đội 5-Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
108	Lương, Duy Hoàng		2012	7B3	Thái	Lò Thị Thắm	Đội 7 Bản Tàu,Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
109	Lò Công Kha		2012	7B3	Thái	Lò Thị Tình	Bản Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
110	Quàng Thị Thúy Kiều		2012	7B3	Khơ Mú	Lò Thị Chư	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
111	Lò Văn Lanh		2012	7B3	Khơ Mú	Lò Văn Tiên	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
112	Quàng Thị Lê		2012	7B3	Khơ Mú	Lò Thị Lai	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
113	Lò Phương Linh		2012	7B3	Thái	Lò Văn Tiên	Đội 7 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
114	Vì Hà Nam		2012	7B3	Thái	Vì Văn Hoa	Bản Na Hý, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
115	Quàng Thị Nhi		2012	7B3	Thái	Quàng Văn Ánh	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
116	Quàng Văn Sa		2012	7B3	Thái	Quàng Văn Chanh	Đội 6 Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
117	Lò Thanh Thủy		2012	7B3	Thái	Lương Thị Tuyết	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	ĐBKK
118	Quàng Anh Tuấn		2012	7B3	Thái	Quàng Văn Cương	Bản Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
119	Quàng Văn Viên		2012	7B3	Khơ Mú	Quàng Văn Thiện	Bản Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
120	Quàng Văn Hiếu		2010	8C1	K mú	Quàng Văn Hương	Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
121	Lò Hoàng Anh		2011	8C1	Thái	Lò Văn Tiên	Na Hý - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
122	Tòng Gia Huy		2011	8C1	Thái	Lò Thị Viên	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
123	Lò Thị Lan		2011	8C1	Thái	Lò Thị Minh	Bản Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
124	Lò Khánh Ly		2011	8C1	Thái	Lò Văn Yên	Bản Tàu 6 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
125	Lò Thị May		2011	8C1	K mú	Lò Văn Minh	Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
126	Lương Văn Quy		2011	8C1	Thái	Lương Văn Pánh	Bản Tàu 5 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
127	Lò Huyền Trang		2011	8C1	Thái	Lò Thị Thiên	Na Ten - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
128	Quàng Tuấn Tú		2011	8C1	Thái	Quàng Văn Hịa	Bản Tàu 7 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
129	Quàng Thế Đạt		2011	8C1	Thái	Quàng Văn Thành	Na Hý - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
130	Lò Thị Anh		2011	8C1	Thái	Lò Văn Cương	Bản Tàu 5 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
131	Lò Việt Thành		2011	8C1	Thái	Lò Văn Đón	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản ĐBKK
132	Lò Quang Huy		2011	8C1	Thái	Lò Thị Hoi	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản ĐBKK
133	Quàng Tuấn Tú		2011	8C1	Thái	Quàng Văn Tinh	Bản Tàu- Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
134	Lò Thị Doan		2011	8C1	K mú	Lò Văn Khiêm	Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
135	Lương Hải Nam		2011	8C1	Thái	Lò Thị Oi	Na Hý - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
136	Quàng Thị Yên Nhi		2011	8C1	Thái	Quàng Văn Thanh	Tàu 7 - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản ĐBKK
137	Lò Ánh Tuyết		2011	8C1	Thái	Lò Văn Dân	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản ĐBKK
138	Quàng Thị Ngọc Ánh		2011	8C2	Thái	Quàng Văn Sáng	Đội 7, Bản Tàu, H. Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
139	Lò Gia Bảo		2011	8C2	Thái	Lò Thị Dung	Đ10. Na Hý, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
140	Quàng Thành Công		2011	8C2	Thái	Quàng Văn Tinh	Đội 6, Bản Tàu-HT	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
141	Lò Dị Hương		2011	8C2	Thái	Quàng Thị Thiên	Đội 7, Bản Tàu-HT	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ									
142	Hoàng Sao Ly		2011	8C2	Thái	Hoàng Văn Khiết	Đội 5. Bàn Tàu-HT	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
143	Lương Đình Mạnh	2011		8C2	Thái	Tòng Thị Nghiên	Đội 5. Bàn Tàu-HT	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
144	Quàng Chấn Phuy	2011		8C2	Thái	Quàng Văn Tường	Đ10. Na Hý-HT	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
145	Quàng Thị Hồng Diệp		2011	8C2	Khơ Mú	Quàng Văn Bun	Đ8. Co Pục-HT	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
146	Lò Văn Lung	2011		8C2	Khơ Mú	Quàng Thị Lương	Đ8. Co Pục-HT	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
147	Lò Văn Việt	2011		8C2	Thái	Cà Thị Kim	Đ10. Na Hý-HT	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
148	Lò Gia Nghĩa	2011		8C2	Thái	Lò Văn Quân	Đ10. Na Hý-HT	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
149	Lò Minh Tuấn	2011		8C2	Thái	Lò Văn Dung	Đội 6. Bàn Tàu-HT	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
150	Quàng Ngọc Yến		2011	8C2	Thái	Tòng Thị Thanh	Đội 7. Bàn Tàu-HT	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
151	Lương Ngọc Tân		2011	8C2	Kinh	Lò Thị Chung	Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
152	Lò Thị Linh Chi		2011	8C2	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Tàu- Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
153	Cà Đức Huy	2011		8C2	Thái	Cà Văn Sơn	Na Hý - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
154	Quàng Văn Sinh	2011		8C2	Khơ Mú	Lò Thị Di	Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
155	Lò Văn Thư	2011		8C2	Thái	Quàng Thị Bưởi	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
156	Vì Thị Hà		2011	8C2	Thái	Vì Văn Hoa	Na Hý, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
157	Lò Hà Vy		2011	8C2	Thái	Lò Văn Phong	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
158	Lò Thị Thơ		2011	8C2	Thái	Lò Thị Lún	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
159	Lò Anh Tuấn	2011		8C2	Thái	Lò Văn Ôn	Bản Giảng, Thanh Nua	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
160	Lò Ngọc Phúc	2011		8C2	Thái	Vì Thị Anh	Na Lóm, Thanh Nua	50%	25.000	4	50.000	Cận nghèo
161	Quàng Thị Diễm		2010	9D1	Khơ Mú	Quàng Thị Dương	Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
162	Quàng Lan Nhi		2010	9D1	Thái	Quàng Thị Lan	Na Hý, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
163	Vừ A Chữ	2010		9D1	H' Mông	Vừ A Cú	Xá Nhù, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
164	Quàng Ngọc Mỹ	2010		9D1	Thái	Quàng Thị Hồng Thương	Bản Tàu - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
165	Quàng Thị Thủy		2010	9D1	Thái	Lò Thị Bình	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
166	Lường Bảo Nam	2010		9D1	Thái	Cà Thị Duyên	Bản Giảng, Co Ké, TN	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
167	Lò Mai Chính		2010	9D1	Thái	Lường Thị Danh	Đội 6 Bàn Tàu- H Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
168	Quàng Văn Đạo	2010		9D1	Khơ Mú	Quàng Văn Bun	Co Pục - Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
169	Lường Đức Mạnh	2010		9D1	Thái	Lò Thị Thịnh	Đội 2 Bàn Tàu- H Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
170	Lò Thị Sao May		2010	9D1	Thái	Lường Thị Hương	Đội 2 Bàn Tàu- H Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
171	Lò Thị Hà		2010	9D1	Thái	Lò Thị Duyên	Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
172	Lò Thị Hoài		2010	9D1	Thái	Lò Văn Chiến	Na Hý , Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
173	Cà Thu Anh		2010	9D1	Thái	Lò Thị Xuyên	Na ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
174	Lường Thị Huyền Trang		2010	9D1	Thái	Lường Thị Hiền	Hồng Lệnh, Thanh Nua	50%	25.000	4	50.000	Cận nghèo
175	Nguyễn Ngọc Hà	2010		9D2	Kinh	Nguyễn Văn Đạt	Bản Nậm Hè, Mường Chà	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
176	Lường Văn Minh	2010		9D2	Thái	Quàng Thị Tân	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
177	Lò Thanh Thiên	2010		9D2	Thái	Lò Văn Ngọc	Na Hý, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
178	Lò Thị Hoài Thu		2010	9D2	Thái	Lò Thị Xuyên	Đội 9 Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ									
179	Quàng Văn Nam	2010		9D2	Thái	Quàng Văn Công	Có Kế, Thanh Nưa	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
180	Lò Duy Hoàng	2010		9D2	Thái	Lò Văn Kương	Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
181	Cà Thị Huệ		2010	9D2	Thái	Lò Thị Hoa	Na Hý, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
182	Quàng Thùy Linh		2010	9D2	Thái	Lò Thị Phương	Na Hý, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
183	Quàng Văn Nghĩa	2010		9D2	Thái	Quàng Văn Biên	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
184	Lò Thị Phương Thảo		2010	9D2	Thái	Lò Thị Bình	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
185	Quàng Ngọc Thêm	2010		9D2	Thái	Quàng Thị Kiểm	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
186	Quàng Thị Thu		2010	9D2	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
187	Quàng Thị Uyên		2010	9D2	Khơ-mú	Quàng Văn Hoan	Đội 8 Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
188	Lường Văn Minh	2010		9D2	Thái	Cà Thị Là	Bản Na Lóm, Thanh Nưa	50%	25.000	4	50.000	Cận nghèo
189	Lò Thị Ánh Dương		2010	9C3	Thái	Lường Thị Doan	Bản Giảng, Co Kế, TN	100%	25.000	4	100.000	Hộ nghèo
190	Lường Thanh Hùng	2010		9C3	Thái	Cà Thị Đanh	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
191	Quàng Văn Nam	2010		9C3	Khơ mú	Quàng Văn Hịa	Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
192	Lò Thị Vân Nhi		2010	9C3	Thái	Lò Văn Thanh	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Thôn bản DBKK
193	Lò Thị Mai Chi		2010	9C3	Thái	Quàng Thị Thề	Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
194	Lò Hoàng Duy	2010		9C3	Thái	Lò Văn Thương	Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
195	Quàng Văn Duy	2010		9C3	Thái	Quàng Văn Biên	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
196	Lò Văn Việt Hoài	2010		9C3	Thái	Lò Văn Chính	Bản Co Kế, Thanh Nưa	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
197	Quàng Thị Mai		2010	9C3	Khơ mú	Quàng Thị Duyên	Co Pục, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
198	Vừ Cao Minh	2010		9C3	Mông	Vừ A Súa	Pá Sảng, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
199	Quàng Thị Yến Nhi		2010	9C3	Thái	Lò Thị Tuyền	Na Ten, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
200	Lò Thị Thời		2010	9C3	Thái	Hà Thị Sơn	Bản Co Kế, Thanh Nưa	100%	25.000	4	100.000	Thôn bản DBKK
201	Lò Thu Thủy		2010	9C3	Thái	Lò Văn Tiên	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
202	Quàng Văn Trí	2010		9C3	Thái	Quàng Văn Chung	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
203	Quàng Anh Tú	2010		9C3	Thái	Quàng Văn Xuân	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3
204	Lò Thị Kiều Vy		2010	9C3	Thái	Quàng Thị Lan	Bản Tàu, Hua Thanh	100%	10.000	4	40.000	Xã khu vực 3



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THCS XÃ MƯỜNG PỒN

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 09 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo thông báo số: 1574 PGDDT ngày 28 tháng 10 năm 2024 của phòng GD&ĐT huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
TRƯỜNG THCS XÃ MƯỜNG PỒN											
1	Lò Gia Bảo	2013		6A	Khơ mú	Lò Thị Pần	Tin Tộc - Mường pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
2	Chà Thị Dưa Chi		2013	6A	HMông	Chà A Châu	Huổi un - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
3	Hờ A Chừ	2013		6A	HMông	Hờ A Tủa	Pà Chà - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
4	Lường Thị Dân		2013	6A	Thái	Lù Thị Dân	Mường Pồn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
5	Hờ Thị Đơ		2013	6A	HMông	Hờ A Thái	Pà Chà- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
6	Giàng Thị Dong		2013	6A	HMông	Giàng A Cài	Huổi Un- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
7	Lò Việt Đức	2013		6A	Thái	Lường Thị Phương	Mường Pồn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
8	Sẻ A Hánh	2013		6A	HMông	Chà Thị Nhia	Huổi Un - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
9	Chà A Hồng	2013		6A	HMông	Chà A Cua	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
10	Sẻ A Khai	2013		6A	HMông	Sẻ A Lâu	Huổi un - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
11	Lò Hoàng Anh Kiệt	2013		6A	Lào	Lò Thị Là	Bản Linh - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
12	Lò Thị Ngọc Linh		2013	6A	Thái	Lò Văn Thủy	Cò Chạy 2 - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
13	Chà A Lý	2013		6A	HMông	Chà A Lầu	Huổi Chan 2- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
14	Cà Ngọc Nga		2013	6A	Thái	Lường Thị Nhung	Mường Pồn 1- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
15	Lò Thị Kim Ngân		2013	6A	Thái	Quàng Thị Yêm	Huổi Chan 1- Mường pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
16	Lò Thị Phương Nhi		2013	6A	Thái	Lò Thị Xầu	Huổi Chan 1- Mường pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
17	Chà A Nô	2013		6A	HMông	Mùa Thị Ví	Huổi Un- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
18	Giàng Thị Nù		2013	6A	HMông	Giàng A Giơ	Pà Chà- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
19	Lường Thị Phanh		2013	6A	Thái	Lường Thị Bầu	Bản Linh- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
20	Vàng Thị Phức		2013	6A	HMông	Giàng Thị Máy	Huổi un - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
21	Lò Thị Phương		2013	6A	Khơ mú	Lò Thị Pần	Tin Tộc - Mường pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
22	Quàng Văn Quốc	2013		6A	Thái	Quàng Văn Xiển	Cò Chạy - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
23	Vàng Thị Sy		2013	6A	HMông	Vàng A Tùng	Huổi Chan2 - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
24	Lý Tập Thành	2013		6A	HMông	Lý A Chia	Nậm ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
25	Lù Thị Thanh Thảo		2013	6A	Thái	lù Thị Thắm	Cò Chạy 1- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
26	Lò Thanh Thảo		2013	6A	Thái	Quàng Thị Hanh	Bản Linh- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
27	Vàng Thị Thư		2013	6A	HMông	Vàng A Nhia	Đình Đeo - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
28	Lý Thị Thuýn		2013	6A	Khơ mú	Quàng Thị Nguyệt	Huổi Chan 1 -Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
29	Lường Ngọc Trâm		2013	6A	Thái	Cà Thị Hiện	Huổi Chan 1- Mường pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thành toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
30	Quàng Thị Kim Tuyết		2013	6A	Thái	Quàng Văn Thành	Mường Pòn 1 - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
31	Hồ A Vư	2013		6A	HMông	Hồ A Súa	Pá Chá- Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
32	Vàng Thị Xanh		2013	6A	HMông	Vàng A Chia	huổi chan -Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
33	Lường Thị Kim Trúc		2013	6A	Thái	Lường Văn Thân	Huổi Chan 1 - Mường pòn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
34	Vàng Thị Chí		2013	6B	HMông	Vàng A Tủa	Bản Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
35	Lò Thành Danh	2013		6B	Thái	Lò Văn Lợi	Bản Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
36	Lò Thị Ngọc Diễm		2013	6B	Thái	Quàng Thị Hòa	Bản Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
37	Giàng A Dơ	2013		6B	HMông	Vàng Thị Xé	Bản Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
38	Vàng A Dương	2013		6B	HMông	Giàng Thị Xia	Bản Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
39	Lò Văn Đoàn	2013		6B	Kho-mú	Lò Thị Xuân	Bản Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
40	Chá Quý Hạnh	2013		6B	HMông	Chá A Phía	Bản Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
41	Lường Quang Hiến	2013		6B	Thái	Lường Văn Thanh	Bản Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
42	Chá Thị Ia		2013	6B	HMông	Chá A Thanh	Bản Bàn Lính	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
43	Giàng Thị Kia		2013	6B	HMông	Giàng Thị Dúa	Bản Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
44	Vì Hoàng Kiêm	2013		6B	Thái	Lường Thị Phanph	Bản Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
45	Vì Tuấn Kiệt	2013		6B	Thái	Vì Văn Dón	Bản Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
46	Lù Thị Mỹ Lệ		2013	6B	Thái	Lù Thị Yên	Bản Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
47	Hồ Thị Mai Linh	2013		6B	HMông	Hồ A Nền	Bản Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
48	Lâu Thị Khôi My	2013		6B	HMông	Lầu A Xô	Bản Đình Đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
49	Là Thị Quỳnh Nga	2013		6B	Thái	Lý Thị Xuân	Bản Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
50	Quàng Thanh Nga	2013		6B	Thái	Quàng Văn Hùng	Bản Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
51	Đào Thị Hồng Ngọc	2013		6B	Kinh	Nguyễn Thị Biên	Bản Mường Pòn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
52	Lường Hải Nguyên	2013		6B	Thái	Lê Thế Anh	Bản Lính	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
53	Hồ A Phong	2013		6B	HMông	Giàng Thị Chứ	Bản Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
54	Quàng Quốc Phúc	2013		6B	Kho-mú	Quàng Văn Ty	Bản Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
55	Cà Minh Phương	2013		6B	Thái	Cà Văn Bình	Bản Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
56	Chá Thị Phương		2013	6B	HMông	Chá A Tênh	Bản Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
57	Lò Văn Quý	2013		6B	Thái	Lò Văn Học	Bản Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
58	Cháng Thị Sinh		2013	6B	HMông	Cháng A Di	Bản Lính	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
59	Lò Mạnh Thắng	2013		6B	Thái	Lò Văn Quyết	Bản Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
60	Ma Thắng	2012		6B	HMông	Vàng A Nhia	Bản Đình đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
61	Quàng Minh Thuận	2013		6B	Thái	Cà Thị Dinh	Bản Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
62	Hồ A Tinh	2013		6B	HMông	Lầu Thị Dia	Bản Đình đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
63	Quang Văn Tinh	2013		6B	Kho-mú	Quàng Văn Dũng	Bản Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
64	Chá A Tùng	2013		6B	HMông	Chá A Sa	Bản Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
65	Vàng Thanh Tùng	2012		6B	HMông	Vàng A Sùng	Bản Đình đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
66	Giàng Thị Vàng		2013	6B	HMông	Giàng A Tùng	Bản Đình đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thành toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi T tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
67	Sùng Thị Báu	2013	2013	6C	HMông	Sùng A Súa	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
68	Lầu A Chá	2013		6C	HMông	Lầu A Chá	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
69	Hồ Thị Cồ	2013	2013	6C	HMông	Hang Thị Cầ	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
70	Lù Anh Diệp	2013		6C	Thái	Lù Văn Minh	Cò chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
71	Lường Thái Hà	2013		6C	Thái	Lò Thị Thanh	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
72	Lò Thanh Hiền	2013	2013	6C	Thái	Lò Thị Hiền	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
73	Lò Văn Huân	2013		6C	K. Mú	Lò Thị Hương	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
74	Chá A Hùng	2013		6C	HMông	Chá A Dĩa	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
75	Vàng Duy Lanh	2013		6C	HMông	Vàng A Tả	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
76	Lù Tùng Lâm	2013		6C	Thái	Lù Thị Thu	Mường Pôn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
77	Lò Thị Linh	2013	2013	6C	Thái	Lò Văn Lả	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
78	Vì Thị Bích Loan	2013	2013	6C	Thái	Lò Thị Tinh	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
79	Quảng Văn Lợi	2013		6C	K. Mú	Quảng Văn Viết	Ang Tơ - Mường Ang	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
80	Giàng Thị Ly	2013	2013	6C	HMông	Giàng A Sùng	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
81	Hồ Thị Mai	2013	2013	6C	HMông	Hồ A Dể	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
82	Và Thị Nga	2013	2013	6C	HMông	Và A Phía	Đinh Đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
83	Lường Minh Nghiệp	2013		6C	Thái	Cả Thị Thương	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
84	Bac Thị Ngọc Oanh	2013	2013	6C	Thái	Cả Thị Ngân	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
85	Lò Hoàng Phi	2013		6C	Thái	Lò Văn Xương	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
86	Chá A Phúc	2013		6C	HMông	Vàng Thị Chữ	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
87	Hồ A Pó	2012		6C	HMông	Hồ A Dể	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
88	Lường Ngọc Quyên	2013	2013	6C	Thái	Cả Thị Sơn	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
89	Lò Xuân Quỳnh	2013	2013	6C	K. Mú	Cả Thị Định	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
90	Hồ Thị Say	2013	2013	6C	HMông	Hồ A Di	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
91	Vì Văn Tân	2013		6C	Thái	Cả Thị Mai	Cò chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
92	Lò Thị Thợ	2013	2013	6C	K. Mú	Quảng Thị Thanh	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
93	Chá Thị Thủy	2013	2013	6C	HMông	Chá A Dể	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
94	Lò Thị Anh Thư	2013	2013	6C	Thái	Lò Thị Phong	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
95	Lù Thị Hương Trà	2013	2013	6C	Thái	Lù Thị Thu	Cò chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
96	Hồ Thị Trang	2013	2013	6C	HMông	Hồ A Lữ	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
97	Lù Ngọc Trinh	2013	2013	6C	Thái	Lù Thị Định	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
98	Lò Anh Tu	2013		6C	Thái	Sin Thị Nguyên	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
99	Lò Anh Tuấn	2013		6C	Thái	Tòng Thị Dương	Na Tông - Na Tông	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
100	Quảng Hoàng Uyên	2013	2013	6C	K. Mú	Quảng Thị Phương	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
101	Hồ Thị Vân	2013	2013	6C	HMông	Hồ Sua Vừ	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
102	Chá A Vị	2013		6C	HMông	Chá A Mổ	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
103	Giàng Thị Báu	2013	2013	6D	HMông	Giàng A Hờ	Đôi 1 Năm Ty B	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
104	Lý A Chu	2013		6D	HMông	Lý A Dơ	Đôi 2 Năm Ty A-	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
105	Giàng A Cờng	2013		6D	HMông	Giàng A Sênh	Đội 1 Nậm Ty B-	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
106	Giàng Thị Dĩa		2013	6D	HMông	Giàng A Lừ	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
107	Lầu Thị Đình		2013	6D	HMông	Lầu A Sang	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
108	Sùng A Dương	2013		6D	HMông	Sùng A Dê	Đội 2 Nậm Ty A	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
109	Giàng A Đức	2013		6D	HMông	Giàng A Vàng	Đội 1 Nậm Ty B	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
110	Ly Thị Tuyết Hoa		2013	6D	HMông	Ly A Tông	Đội 2 Nậm Ty A	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
111	Giàng A Hồng	2013		6D	HMông	Giàng A Chữ	Đội 1 Nậm Ty B	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
112	Hờ A Lệnh	2013		6D	HMông	Hờ A Lầu	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
113	Lầu Văn Lệnh	2011		6D	HMông	Lầu A Hờ	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
114	Giàng A Long	2013		6D	HMông	Giàng A Dơ	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
115	Hờ A Long	2013		6D	HMông	Sùng Thị Dĩa	Đội 2 Nậm Ty A- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
116	Giàng A Nây	2013		6D	HMông	Giàng A Cầu	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
117	Lầu A Nênh	2013		6D	HMông	Lầu A Dơ	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
118	Hờ A Nhia	2013		6D	HMông	Giàng Thị Dung	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
119	Ly A Phòng	2013		6D	HMông	Lầu Thị Vàng	Đội 1 Nậm Ty A- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
120	Giàng Thị Tân		2012	6D	HMông	Giàng A Chữ	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
121	Giàng A Thái	2013		6D	HMông	Giàng A Vư	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
122	Hờ A Tông	2013		6D	HMông	Hờ A Sải	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
123	Hờ Thị Xua	2013		6D	HMông	Hờ A Dưa	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
124	Ly Thị Cống	2013		6D	HMông	Ly A Dơ	Đội 2 Nậm Ty A	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
125	Vư A Hừ	2013		6D	HMông	Vư A Sênh	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
126	Thào Thị Lan		2013	6D	HMông	Thào A Mưa	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
127	Vư Hoàng Long	2013		6D	HMông	Vàng Thị Liả	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
128	Vư A Phương	2013		6D	HMông	Vư A Sênh	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
129	Thào Xuân Thịnh	2013		6D	HMông	Thào A Lồng	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
130	Lầu Thị May Tuế		2013	6D	HMông	Lầu A Thu	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
131	Vư Thị Chi	2013		6D	HMông	Giàng Thị Nhia	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
132	Lầu Ngọc Chua	2013		6D	HMông	Lầu A Dơ	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
133	Hờ Mạnh Long	2013		6D	HMông	Hờ A Chu	Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
134	Sùng Thị Ngọc My		2013	6D	HMông	Sùng A Dĩa	Nậm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
135	Vư A Thanh	2013		6D	HMông	Vư A Vàng	Đội 3 Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
136	Vư Công Phẻng.	2013		6D	HMông	Vư A Lừ	Đội 3 Pá Sáng- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
137	Hờ Thị Tênh	2013		6D	HMông	Hờ A Sầu	Đội 1 Nậm Ty B- Hua	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
138	Lừ Trâm Anh	2012		7A	Thái	Lừ Văn Việt	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
139	Bùi Thị Yên Chi	2012		7A	Thái	Bùi Việt Hà	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
140	Tông Đức Chí	2012		7A	Thái	Lừ Thị Thương	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
141	Quảng Thị Khánh	2012		7A	Thái	Quảng Văn Anh	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
142	Lò Thị Bích Hào	2012		7A	Thái	Lò Thị Thanh	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thành toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
143	Lương Quang Huy	2012		7A	Thái	Lương Văn Phúc	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
144	Lữ Bích Huyền		2012	7A	Thái	Lò Văn Xiên	Bản lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
145	Lò Thị Thu Huyền		2012	7A	Thái	Lò Văn Minh	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
146	Lù Nguyễn Khang	2012		7A	Thái	Lò Thị Tươi	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
147	Lò Thị Kiều		2012	7A	Kho Mú	Lò Văn Chên	Tin tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
148	Chá A Lành	2012		7A	H.Mông	Chá A Lâu	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
149	Tòng Thủy Linh		2012	7A	Thái	Lù Thị Chinh	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
150	Quàng Bảo Long	2012	2009	7A	Thái	Quàng Văn Hiến	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
151	Chá Thị Lù	2012	2012	7A	H.Mông	Chá A Mế	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
152	Lò Thị Thảo My		2012	7A	Thái	Lò Thị Thuận	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
153	Lò Quang Nghi	2012		7A	Kho Mú	Lò Thị Diên	Tin tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
154	Vì Hoàng Nguyễn	2012		7A	H.Mông	Chá A Dia	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
155	Chá Thị Nhung		2012	7A	H.Mông	Chá A Lông	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
156	Chá A Phanh	2012		7A	H.Mông	Chá A Lông	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
157	Tòng Thế Phi	2012		7A	Thái	Quàng Thị Phúc	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
158	Lò Bảo Quốc	2012		7A	Kho Mú	Lò Văn Chức	Tin Tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
159	Lò Thị San San		2012	7A	Thái	Lò Văn Hội	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
160	Lý Tuấn Tài	2012		7A	Thái	Lý Văn Tuấn	Mường Pôn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
161	Tòng Thị Mai Thanh	2012		7A	H.Mông	Tòng Văn En	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
162	Lường Phương Thảo		2012	7A	Thái	Lường Văn Inh	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
163	Cả Văn Thiên	2012		7A	Thái	Cả Văn Mưu	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
164	Lò Thị Thiên		2012	7A	Kho Mú	Lò Thị Phen	Tin Tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
165	Lò Xuân Tho	2012		7A	Kho Mú	Lò Thị Minh	Tin tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
166	Lò Thị Thu Thủy		2012	7A	Thái	Lò Văn Thanh	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
167	Quàng Thị Quỳnh	2012		7A	Thái	Quàng Văn Quốc	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
168	Lò Huyền Trang	2012		7A	Thái	Lò Thị Tâm	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
169	Lò Phương Uyên	2012		7A	Thái	Lò Văn Thoan	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
170	Quàng Thị Viện	2012		7A	Kho Mú	Quàng Thị Mì	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
171	Quàng Thị Hà Vy	2012		7A	Thái	Lò Thị Phòng	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
172	Chá Thị Xía	2012		7A	H.Mông	Chá A Chó	Huổi Chan2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
173	Lò Thị Hai Yên		2012	7A	Kho Mú	Lò Văn Công	Tin Tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
174	Quàng Tuấn Anh	2012		7B	H.Mông	Quàng Văn Dũng	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
175	Lò Thị Hồng Bích		2012	7B	Kho Mú	Lò Văn Vĩ	Tin Tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
176	Hờ Thị Chư	2012		7B	H.Mông	Hờ A Chư	Pá Trá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
177	Vàng A Dia	2012		7B	H.Mông	Vàng A Cơ	Huổi chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
178	Lò Thị Diệp		2012	7B	Kho Mú	Lò Văn Muốn	Tin Tức	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
179	Sùng A Mong Dung	2012		7B	H.Mông	Sùng A Cho	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
180	Chá Thị Thu Hà		2012	7B	H.Mông	Chá A Mua	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thành toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
	X. H. C. N. VI. S. T. AM GIÁO DỤC PHONG										
181	Hồ Thị Thu Hiền		2012	7B	H. Mông	Mùa Thị xía	Đình đào	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
182	Giàng Vũ Hoàn	2012		7B	H. Mông	Giàng A Phênh	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
183	Giàng Xuân Phòng	2012		7B	H. Mông	Giàng A Sô	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
184	Lò Văn Khánh	2012		7B	Kho Mú	Lò Văn Sơn	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
185	Lương Đăng Khôi	2012		7B	Thái	Lò Thị Ong	Co chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
186	Lương Văn Kiên	2012		7B	Thái	Lương Văn Tô	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
187	Lò Thị Lìn		2012	7B	Kho Mú	Lò Văn Phú	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
188	Lò Văn Lương	2012		7B	H. Mông	Chá A Thái	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
189	Chá A Minh	2012		7B	H. Mông	Chá A Thái	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
190	Cà Thị Chá My	2012	2012	7B	Thái	Lò Thị Dương	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
191	Vàng Thị Nà		2012	7B	H. Mông	Vàng A Gấu	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
192	Chá A Phòng	2012		7B	H. Mông	Chá A Di	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
193	Quàng Thị Mai Phương		2012	7B	Thái	Quàng Thị Oi	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
194	Chá Thị Sia		2012	7B	H. Mông	Chá A Na	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
195	Giàng A Sơn	2012		7B	H. Mông	Giàng A Dénh	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
196	Lò Nam Sơn	2012		7B	Thái	Lương Thị Viên	co chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
197	Giàng Xuân Thành	2012		7B	H. Mông	Giàng A Sùng	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
198	Lương Bảo Thiêm	2012		7B	Thái	Quàng Thị Inh	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
199	Lò Thị Thu		2012	7B	Thái	Lò Thị Hiêng	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
200	Quàng Văn Tiến	2012		7B	Kho Mú	Quàng Văn Chung	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
201	Là Ngọc Tim		2012	7B	Thái	Lò Văn Hạnh	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
202	Chá A Tỏ	2012		7B	H. Mông	Chá A Gấu	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
203	Giàng A Trung	2012		7B	H. Mông	Lỵ Thị Dinh	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
204	Vàng Thị Phi		2012	7B	H. Mông	Giàng Thị Súa	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
205	Hờ A. Chu	2010		7B	H. Mông	Hờ A Cua	Pá Trá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
206	Hờ A. Chừ	2012		7B	H. Mông	Hờ A Dê	Năm Ty B- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
207	Vư Xuân Cường	2012		7B	H. Mông	Vừ A Hồng	Xã Nhù- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
208	Hờ Thị Sơ		2012	7B	H. Mông	Hờ A Súa	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
209	Hờ Thị Càng		2012	7C	H. Mông	Hờ A Nhang	Pá trá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
210	Lầu A Cừ	2012		7C	H. Mông	Lầu A Dơ	Huổi un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
211	Lò Thị. Hồng Diệp		2012	7C	Thái	Lò Văn Thương	Tin tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
212	Giàng Thị Đờ		2012	7C	H. Mông	Giàng A Lầu	Huổi un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
213	Lò Đức Đông	2012		7C	Thái	Lò Văn Hương	Co chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
214	Lương Nam Du	2012		7C	Thái	Lương Văn Tien	Co chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
215	Vàng A. Dưa	2012		7C	H. Mông	Vàng A Say	Huổi chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
216	Vị Thị Thủy Duyên		2012	7C	Thái	Lò Thị Xiên	Co chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
217	Lò Văn Hào	2012		7C	Kho Mú	Quàng Thị Ni	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
218	Chá A. Khả	2012		7C	H. Mông	Chá A Cây	Huổi chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
219	Quảng Quốc Kiệt	2012		7C	Thái	Lò Thị Lanh	Bản lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
220	Lò Hồng Lê Ngọc		2012	7C	Khơ mu	Lò Văn Pành	Tin Túc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
221	Sùng A Lông	2012		7C	H.Mông	Sùng A Tủa	Đình đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
222	Vàng Thị Ly		2012	7C	H.Mông	Vàng A Nhia	Đình đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
223	Chá Thị Mị		2012	7C	H.Mông	Giàng Thị Chu	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
224	Giàng A. Mông	2012		7C	H.Mông	Giàng A Lênh	Huổi un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
225	Lường Thị Chá Mý		2012	7C	Thái	Vì Thị Hương	Mường pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
226	Sế A. Nu	2012		7C	H.Mông	Chá Thị Dung	Huổi un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
227	Giàng Thị Pà		2012	7C	H.Mông	Giàng A Tùng	Đình đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
228	Vì Việt Phụng	2012		7C	Thái	Vì Văn Phụng	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
229	Chá Thị Sênh		2012	7C	H.Mông	Chá A Sáu	Huổi un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
230	Giàng Thị Sinh	2012		7C	H.Mông	Giàng A Dơ	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
231	Vàng Thị Sơ		2012	7C	H.Mông	Vàng A Sùng	Huổi chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
232	Giàng A. Son	2012		7C	H.Mông	Sùng Thị Sy	Pá trả	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
233	Sùng A. Tanh	2012		7C	H.Mông	Sùng A Xó	Bản lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
234	Quàng Văn Thắng	2012		7C	Khơ mu	Quàng Văn Ngọc	Huổi chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
235	Lò H. Ngọc Thuận	2012		7C	Thái	Lò Văn Tuấn	Co chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
236	Lò Văn Tiên	2012		7C	Khơ mu	Lò Thị Thịn	Huổi chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
237	Giàng Thị Vẻ		2012	7C	Mông	Ly Thị Dơ	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
238	Lò Thanh Việt	2012		7C	Thái	Lò Văn Là	Co chy 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
239	Lí Thị Vy		2012	7C	Khơ mu	Quàng Thị Sĩ	Huổi chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
240	Giàng Mai Xuân		2012	7C	Mông	Vừ Thị Máy	Huổi un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
241	Chá Thị Tân	2012		7C	Mông	Chá A Cơ	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
242	Vàng A Công	2012		7C	Mông	Lò Thị Nhọt	Pá Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
243	Vừ Thị Bảo		2012	7D	H.Mông	Vư A Tinh	Năm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
244	Hờ Thị Cờ		2012	7D	H.Mông	Hờ A Sĩ	Năm Ty 2 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
245	Sùng A Chính	2012		7D	H.Mông	Sùng A Chùng	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
246	Ly Thị Chừ		2012	7D	H.Mông	Hàng Thị Xế	Năm Ty 2 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
247	Ly A Cừ	2012		7D	H.Mông	Ly A Tủa	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
248	Ly Thị Dưa		2012	7D	H.Mông	Ly A Tủa	Năm Ty- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
249	Hờ Thị Dung	2012		7D	H.Mông	Hờ A Lầu	Năm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
250	Lầu Thị Kim Dương		2012	7D	H.Mông	Lầu A Cầu	Năm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
251	Ly Thị Đẻ	2012		7D	H.Mông	Ly A Sùng	Năm Ty 2 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
252	Giàng Thị Lam		2012	7D	H.Mông	Giàng A Say	Năm Ty 2- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
253	Giàng Thị Lừ		2012	7D	H.Mông	Giàng A Cầu	Năm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
254	Hờ A Ly	2012		7D	H.Mông	Hờ A Lầu	Năm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
255	Lầu Thị Ly	2012		7D	H.Mông	Lầu A Dẻ	Năm Ty 2 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
256	Lầu Thị Ly		2012	7D	H.Mông	Lầu A Sùng	Năm Ty 2- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ, Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tưng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
257	Giảng A Minh B	2012		7D	H.Mông	Giảng A Khu	Nậm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
258	Giảng A Minh A	2012		7D	H.Mông	Hàng Thị Sông	Nậm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
259	Vừ A Thị Nhung	2012		7D	H.Mông	Vừ A Nền	Pá Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
260	Vừ Thị Nù	2012		7D	H.Mông	Vừ A Vả	Pá Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
261	Lầu A Lông	2012		7D	H.Mông	Lầu A Giả	Đinh Đèo - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
262	Lý Thị Sinh	2012		7D	H.Mông	Lý A Sùng	Nậm Ty 2 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
263	Hờ A Sênh	2012		7D	H.Mông	Hờ A Minh	Pá Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
264	Lầu Anh Sơn	2012		7D	H.Mông	Lầu A Trư	Nậm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
265	Hờ A Sủ	2012		7D	H.Mông	Hờ A Tùng	Nậm Ty1- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
266	Vừ Thị Tênh	2012		7D	H.Mông	Vàng Thị Địa	Pá Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
267	Giảng A Thái	2012		7D	H.Mông	Giảng A Súc	Nậm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
268	Lầu A Thắng	2012		7D	H.Mông	Lầu A Nhia	Đinh đèo - Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
269	Lý A Thông	2012		7D	H.Mông	Lý A Thu	Nậm Ty 2 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
270	Lầu A Tủa	2012		7D	H.Mông	Lầu A Sàng	Nậm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
271	Giảng A Trường	2012		7D	H.Mông	Giảng A Dừa	Nậm Ty 2 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
272	Giảng Thị Vàng	2012		7D	H.Mông	Giảng A Lừ	Nậm Ty 1 - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
273	Hờ A Văn	2012		7D	H.Mông	Hờ A Lầu	Nậm Ty1- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
274	Hờ Tiên Vừ	2012		7D	H.Mông	Hờ A Lừ	Nậm Ty- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
275	Lý Thị Xuyên	2011		7D	H.Mông	Lý A Thu	Nậm Ty- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
276	Lý A Tiếng	2012		7D	H.Mông	Lý A Lừ	Nậm Ty 2- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
277	Sung Thị Thu Úi	2012		7D	H.Mông	Sung A Dia	Nậm Ty 2- Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
278	Vàng Thị Chơ	2012		7E	H.Mông	Vàng A Chá	Huổi Chan 2 Mường Pồn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
279	Hờ Thị Dê	2012		7E	H.Mông	Giảng Thị Dinh	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
280	Lý Văn Giảng	2012		7E	Kho-mú	Lò Thị Tom	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
281	Sế Thị Hoa	2012		7E	H.Mông	Sế A Sô	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
282	Sế Thị Kía	2012		7E	H.Mông	Sế A Cua	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
283	Thào Thị lang	2012		7E	H.Mông	Thào A Tủa	Đinh đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
284	Lừ Đại Quang	2012		7E	Thái	Lừ Văn Trường	Cò chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
285	Lò Đức Thanh	2012		7E	Kho-mú	Lò Văn Sao	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
286	Vàng Thị Xuân	2012		7E	H.Mông	Vàng A Cầu	H. Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
287	Quàng Xuân Chính	2012		7E	Kho-mú	Quàng Văn Lót	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
288	Chá A Thu	2012		7E	H.Mông	Chá A Lả	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
289	Hờ Thị Dưa	2012		7E	H.Mông	Hờ A Tinh	Pá Chá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
290	Cả Thị Tú Ninh	2012		7E	Thái	Quàng Thị Toàn	Mường Pồn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
291	Quàng Thị Bảo Hân	2012		7E	Kho-mú	Lò Thị Tươi	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
292	Chá Thị La	2012		7E	H.Mông	Chá A Páo	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
293	Lò Văn Long	2012		7E	Kho-mú	Nguyễn Văn Đắc	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
294	Chá A Quý	2012		7E	H.Mông	Chá A La	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
295	Quảng Văn Phòng	2012		7E	Thái	Quảng Văn Bắc	Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
296	Lâu A Chung	2012		7E	HMông	Lâu A Lang	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
297	Lý Thị Công	2012	2012	7E	HMông	Lý A vàng	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
298	Lý Thị Bình	2012	2012	7E	HMông	Giàng Thị Nhia	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
299	Giàng Thị Dung	2012	2012	7E	HMông	Giàng A Vừ	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
300	Hờ Thị Lang	2012	2012	7E	HMông	Hờ A Tùng	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
301	Lâu Thị Nữ	2012	2012	7E	HMông	Lâu A Hờ	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
302	Giàng A Thái	2012		7E	HMông	Giàng A Chinh	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
303	Hờ A Tinh	2012		7E	HMông	Hờ A Vàng	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
304	Lâu Minh Trang	2012		7E	HMông	Lâu A Lông	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
305	Lý A Vằng	2012		7E	HMông	Hạng Thị Dong	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
306	Lương Tuấn Anh	2012		7E	Thái	Lương Văn Hiệp	Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
307	Lò Thị Bắc	2012	2012	7E	Kho-mú	Lò Thị Xuân	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
308	Quảng Văn Duy	2012		7E	Kho-mú	Quảng Văn Tinh	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
309	Vàng A Hanh	2012		7E	HMông	Giàng Thị máy	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
310	Lò Thị Mai Ly	2012	2012	7E	Thái	Lò Văn Khánh	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
311	Cà Thị Yên Nhi	2012	2012	7E	Thái	Cà Văn Thi	Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
312	Lò Văn Phước	2012	2012	7E	Thái	Quảng Thị Hưng	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
313	Lò Thị Thanh Bình	2011	2011	8A	Thái	Lương Thị Lún	Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
314	Lý Thị Linh Chi	2011	2011	8A	Thái	Lý Văn Du	Mường Pòn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
315	Lò Thái Sang	2011		8A	Thái	Lò Văn Strong	Mường Pòn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
316	Quảng Quách Tinh	2011		8A	Thái	Quảng Văn Hoàng	Mường Pòn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
317	Quảng Nhật Thiên	2011		8A	Thái	Lò Thị Thanh	Mường Pòn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
318	Quảng Duy Hùng	2011		8A	Thái	Lò Thị Liên	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
319	Quảng Minh Trí	2011		8A	Thái	Ví Thị Nguyễn	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
320	Lò Thị Mai Trinh	2011	2011	8A	Thái	Lò Văn Phòng	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
321	Tòng Thị Thủy	2011	2011	8A	Thái	Lừ Thị Dung	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
322	Giàng Thị Báu	2011	2011	8A	HMông	Giàng Thị Dứa	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
323	Giàng Thị Chang	2011	2011	8A	HMông	Giàng A Sùng	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
324	Giàng A Chung	2011		8A	HMông	Giàng A Hừ	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
325	Chá A Du	2011		8A	HMông	Chá A Mổ	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
326	Giàng A Sênh	2011		8A	HMông	Giàng Thị Tinh	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
327	Chá A Tà	2011		8A	HMông	Chá A Va	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
328	Lò Phương Duyên	2011	2011	8A	Thái	Lò Văn Sỹ	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
329	Vàng Thị Nhi	2009		8A	H Mông	Vàng A Phênh	Huổi Ké- BL	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
330	Khoảng Văn Xuân	2011		8A	Thái	Lò Thị Liêu	Bản Lĩnh 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
331	Giàng Thị Gùa	2010		8A	H Mông	Giàng A Páo	Huổi Ké- BL	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
332	Chá Thị Húa	2011		8A	H Mông	Chá A Thanh	Huổi Ké- BL	Xã khu vực III	150.000	4	600.000



STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thành toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
333	Chá A Dưa Tào	2011		8A	H Mông	Chá A Cửa	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
334	Chá Thi Dung		2011	8A	H Mông	Chá A Xá	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
335	Chá A Bình	2011		8A	H Mông	Chá A Thổng	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
336	Lò Văn Thuận	2011		8A	Khor Mú	Lò Văn Tre	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
337	Quàng Thi Tuyết		2011	8A	Khor Mú	Quàng Thi Lanh	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
338	Lò Anh Tuấn	2011		8A	Thái	Bạc Thi Ngân	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
339	Lò Thi Mai Thêu		2011	8A	Thái	Lò Văn Xoan	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
340	Bạc Kỳ Nam	2011		8A	Thái	Bạc Thi Hoa	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
341	Giàng A Hưng	2011		8A	H Mông	Giàng A Chơ	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
342	Ly A Mua	2011		8A	H Mông	Hạng Thi Xê	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
343	Hờ A Súa	2011		8A	H Mông	Hờ A Dưa	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
344	Ly A Trường	2011		8A	H Mông	Ly A Nhé	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
345	Hờ A Thỏ	2011		8B	Hmông	Hờ Chư Súa	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
346	Quàng Văn Phương	2011		8B	Thái	Quàng Văn Anh	Mường Pôn I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
347	Quàng Mạnh Trường	2011		8B	Thái	Lò Thi Hoa	Mường Pôn I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
348	Lò Thi Khánh Huyền		2011	8B	Thái	Lò Thi Nhọt	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
349	Quàng Thi Linh		2011	8B	Thái	Quàng Văn Tinh	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
350	Lò Đức Minh	2011		8B	Thái	Lò Thi Duyên	Cò Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
351	Lò Thanh Nguyệt	2011		8B	Thái	Lò văn Đoit	Cò Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
352	Cà Minh Trung	2011		8B	Thái	Cà Văn Biên	Cò Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
353	Lò Thi Mai Ca		2011	8B	Thái	Lò Văn Kỳ	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
354	Tòng Thi Vân Oanh		2011	8B	Thái	Tòng Văn Biên	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
355	Lò Phương Thảo		2011	8B	Thái	Quàng Thi Dung	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
356	Hờ A Hang	2011		8B	Hmông	Hờ A Chu	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
357	Hờ A Hạng	2011		8B	Hmông	Sùng Thi Say	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
358	Giàng Thi Ly		2011	8B	Hmông	Giàng A Lư	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
359	Hờ Ngọc Nụ	2011		8B	Hmông	Hờ A Tủa	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
360	Giàng Thi Bâu		2008	8B	Hmông	Giàng A Lầu	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
361	Chá Thi Kim Chi		2011	8B	Hmông	Chá A Lầu	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
362	Giàng Thi Inh		2011	8B	Hmông	Giàng A Cai	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
363	Sê Thi Lia		2011	8B	Hmông	Sé A Chá	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
364	Giàng A Tiên	2011		8B	Hmông	Giàng A Vư	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
365	Giàng A Du	2011		8B	Hmông	Giàng A Nại	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
366	Cháng A Tú	2011		8B	Hmông	Chang A Di	Huổi Ké- BL	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
367	Sùng Thi Bâu		2011	8B	Hmông	Sùng Thi Ganh	Huổi Ké- BL	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
368	Sùng A Chính	2010		8B	Hmông	Sùng A Dinh	Huổi Ké- BL	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
369	Khoảng Văn Lợi	2011		8B	Thái	Lò Thi Liêu	Bản Lính 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
370	Lù Văn Tú	2011		8B	Thái	Lương Thi Xum	Bản Lính 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi T tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
371	CHÁ THỊ THỊ *		2011	8B	Hmông	Chá A Dê	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
372	Lò Văn Niêm	2011		8B	Khơ mú	Lò Văn Lả	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
373	Lò Văn Đình	2011		8B	Khơ mú	Quảng Thị Ní	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
374	Cả Thị Thu		2011	8B	Thái	Cả Văn Cương	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
375	Lò Thị Nguyệt Na		2011	8B	Thái	Lò Thị Đồi	Cò Chay I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
376	Hờ A Khoa	2011		8C	Hmông	Hờ A Ly	Pá Tra	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
377	Hờ A Đồng	2011		8C	H Mông	Hờ A Dơ	Pá Tra	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
378	Hờ Thị Phánh		2011	8C	H Mông	Hờ A Lư	Pá Tra	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
379	Sùng Thị Lía		2011	8C	H Mông	Sùng Sánh Vàng	Đinh Đèo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
380	Giàng A Cua	2011		8C	H Mông	Giàng A Lầu	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
381	Giàng A Châu	2011		8C	H Mông	Vư Thị Máy	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
382	Giàng Xuân Nan	2011		8C	H Mông	Ly Thị Đình	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
383	Chá A Tuấn	2011		8C	H Mông	Chá A Tú	Huổi Ün	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
384	Sùng A Thành	2010		8C	H Mông	Sùng a Chua	Huổi ké	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
385	Sùng A Sỹ	2010		8C	H Mông	Sùng A Súa	Huổi ké	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
386	Sùng Thị Chư		2011	8C	H Mông	Sùng A Di	Huổi ké	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
387	Sùng A Dưa	2011		8C	H Mông	Sùng A Đa	Huổi Chan II	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
388	Chá A Sành	2011		8C	H Mông	Chá A Lầu	Huổi Chan II	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
389	Vàng Thị Sinh		2011	8C	Hmông	Vàng Thị Ong	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
390	Lò Thị Hồng	2011		8C	Khơ Mú	Lò Văn Thanh	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
391	Ly Thị Phương Lan		2011	8C	Khơ Mú	Lò Thị Hoà	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
392	Lò Văn Thơm	2011		8C	Khơ Mú	Lò Thị Xuân	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
393	Ly Thị Thủy		2011	8C	Hmông	Ly A Ly	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
394	Ly A Phòng	2011		8C	Hmông	Hàng Thị Sê	Nậm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
395	Quảng Mạnh Tùng	2011		8C	Thái	Quảng Văn Hoàn	MPôn I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
396	Lò Hà Linh		2011	8C	Thái	Lò Văn Ưng	MPôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
397	Lương Thị Thanh Quỳnh		2011	8C	Thái	Lương Thị Oí	MPôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
398	Quảng Thị Như Quỳnh	2011		8C	Thái	Quảng Văn Dưỡng	MPôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
399	Lừ Văn Tiến	2011		8C	Thái	Lừ Văn Cường	Cò Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
400	Lò Quỳnh Châm		2011	8C	Kinh	Lò Thị Hiền	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
401	Lò Thị Cẩm Vi		2011	8C	Thái	Lò Văn Chung	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
402	Lừ Văn Việt	2011		8C	Thái	Lừ Văn Nam	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
403	Lừ Thị Tâm Như		2011	8C	Thái	Lừ Văn Liêm	Bản Lính I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
404	Lò Văn Giang	2011		8C	Thái	Lương Thị Xan	Bản Lính I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
405	Nguyễn Trọng Bảo	2011		8C	Kinh	Nguyễn Văn Thăng	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
406	Lường Văn Thắng	2011		8C	Khơ Mú	Lường Văn Chai	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
407	Chá Thị Dia		2009	8C	H.Mông	Chá A Cua	Huổi chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
408	Vư Thị Cá Dưa		2011	8D	H Mông	Chá Thị Xua	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
409	Lý Thị Nành		2011	8D	H Mông	Ly A Dơ	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
410	Vũ Thị Nành		2011	8D	H Mông	Giàng Thị Nhia	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
411	Vũ Thị Nhia		2010	8D	H Mông	Vũ A Sùng	Xã Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
412	Mùa A Vư		2011	8D	H Mông	Vũ Thị Phóng	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
413	Vũ Thị Xênh		2011	8D	H Mông	Vũ A Ma	Xã Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
414	Mùa Thị Mai Xuân		2011	8D	H Mông	Mùa A Vàng	Xã Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
415	Vũ Thị Xuân		2011	8D	H Mông	Vũ A Tông	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
416	Lầu Tắt Thành		2011	8D	H Mông	Vũ Xuân Lầu	Xã Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
417	Vũ A Thằng		2011	8D	H Mông	Vũ A Giàng	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
418	Vũ A Tinh		2011	8D	H Mông	Vũ A Vàng	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
419	Lương Thị Quỳnh		2011	8D	Thái	Lương Thị Diên	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
420	Lầu Minh Trí		2011	8D	H Mông	Lầu A Thu	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
421	Hồ Tuấn Tú		2011	8D	H Mông	Hồ A Chu	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
422	Giàng A Cản		2011	8D	H Mông	Giàng A Vư	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
423	Hồ Thị Chia		2011	8D	H Mông	Hồ A Sy	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
424	Hồ A Chú		2011	8D	H Mông	Hồ A Lầu	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
425	Ly A Chữ			8D	H Mông	Ly A Tòa	Năm TyII - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
426	Giàng Thị Cúc		2011	8D	H Mông	Giàng A Hồ	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
427	Giàng Thị Cúc		2011	8D	H Mông	Giàng A Sỏ	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
428	Giàng Thị Dánh		2011	8D	H Mông	Giàng A Sảo	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
429	Hồ Thị Dị		2011	8D	H Mông	Hồ A Sai	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
430	Hồ A Dung		2011	8D	H Mông	Hồ A Lầu	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
431	Giàng Thị Giàng		2011	8D	H Mông	Giàng A Chú	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
432	Giàng A Hồ		2011	8D	H Mông	Giàng A Chú	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
433	Ly Xiêu Hồng			8D	H Mông	Ly A Tông	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
434	Giàng A Khánh		2011	8D	H Mông	Giàng A Dơ	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
435	Ly A Kỳ			8D	H Mông	Ly A Dơ	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
436	Giàng A Lầu		2011	8D	H Mông	Giàng A Nhia	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
437	Giàng Thị Lý		2011	8D	H Mông	Giàng A Dơ	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
438	Hồ A Minh		2011	8D	H Mông	Hồ A Lầu	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
439	Ly A Phong		2011	8D	H Mông	Ly A Lừ	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
440	Hồ A Sỏ		2011	8D	H Mông	Hồ A Lầu	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
441	Lầu A Tú		2011	8D	H Mông	Lầu A Dơ	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
442	Quàng Văn Thom		2011	8E	Thái	Lò Thị Diên	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
443	Cà Anh Kiều		2011	8E	Thái	Lò Thị Hoa	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
444	Hồ Thị Ho		2011	8E	Hmông	Hồ A Di	Pa Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
445	Sẻ Hùng Phúc		2011	8E	Hmông	Chá Thị Dung	Huôi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
446	Cà Thị Vân		2011	8E	Thái	Cà Văn Lâm	Bản Lính 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
447	Lý Thị Nguyệt		2011	8E	Khơ Mú	Quảng Thị Nguyệt	Huôi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
448	Vũ A Giảng	2010		8E	H Mông	Vũ A Hồng	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
449	Quảng A Nguyễn	2011		8E	H Mông	Giảng A Dê	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
450	Lương Thị Thanh Mai		2011	8E	Thái	Lương Văn Thanh	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
451	Sùng Thị Hoa		2011	8E	Hmông	Sùng Nô Dưa	Đinh Đeo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
452	Sế A Tàn	2011		8E	Hmông	Chá Thị Nhia	Huôi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
453	Vàng Thị Mo		2011	8E	Hmông	Vàng A Phênh	Huôi Ké- BL	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
454	Lò Văn Nhân	2011		8E	Thái	Lù Văn Tinh	Ban Linh 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
455	Lò Văn Hiệp	2011		8E	Khơ mú	Lò Văn Thái	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
456	Lò Văn Nam	2011		8E	Khơ mú	Lò Thị Xuân	Huôi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
457	Lò Thị Thảo		2011	8E	Khơ mú	Lò Văn Mậu	Huôi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
458	Lương Văn Tiếp	2011		8E	Thái	Cà Thị Phương	Huôi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
459	Hờ A Đú	2011		8E	H Mông	Hờ A Chua	Pa Trá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
460	Hờ A Mông	2011		8E	H Mông	Hờ A Lâu	Pa Trá	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
461	Sế Thị Máng		2011	8E	H Mông	Sế A Lâu	Huôi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
462	Giảng Thị Tân		2011	8E	H Mông	Giảng A Sý	Huôi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
463	Vàng A Cửa	2011		8E	H Mông	Vàng A Say	Huôi Chan II	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
464	Lò Thanh Hương		2011	8E	Thái	Lương Văn Phúc	M Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
465	Lò Minh Phú	2011		8E	Thái	Lò Thị Tiên	Cò Chay I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
466	Tòng Quốc Chính	2011		8E	Thái	Tòng Văn Kim	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
467	Lò Xuân Trường	2011		8E	Khơ Mú	Lò Thị Minh	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
468	Lý A Chông	2011		8E	H Mông	Lý A Súa	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
469	Lầu Thị Cúc		2010	8E	H Mông	Sùng Thị Mỹ	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
470	Lý A Khanh	2011		8E	H Mông	Giảng Thị Phúa	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
471	Giảng Thị Mai		2011	8E	H Mông	Giảng A Chông	Năm Ty A - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
472	Giảng Thị Máy	2011		8E	H Mông	Hờ Thị Sung	Năm Ty B - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
473	Vũ Thị Trường		2011	8E	H Mông	Vũ A Cá	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
474	Sùng Tuấn Tú	2011		8E	H Mông	Sùng A Di	Pa Sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
475	Vũ Ngọc Tú	2011		8E	H Mông	Vũ A Kỳ	Xá Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
476	Lương Gia Huy	2010		9A	Thái	Lương Thị Thiêm	Huôi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
477	Quảng Thị Vân Oanh		2010	9A	Thái	Hà Thị Vân	Huôi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
478	Lương Gia Bảo	2010		9A	Thái	Lương Thị Thiêm	Huôi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
479	Chá Thị Bay		2010	9A	H mông	Chá A Xá	Huôi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
480	Vàng A Vĩ	2010		9A	H Mông	Vàng A Sùng	Huôi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
481	Vàng Minh Trinh	2010		9A	H Mông	Vàng A Tà	Huôi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
482	Vàng Thanh Liên		2010	9A	H mông	Vàng A Nhia	Đinh Đeo	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
483	Lò Thủy Hà		2010	9A	Lào	Lò Thị Lả	Bản Linh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
484	Lương Trí Thức	2010		9A	Thái	Lương Văn Tuấn	Bản Linh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi T tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
485	Vì Hoàng Lương	2010		9A	Thái	Vì Văn Thảo	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
486	Lương Văn Sinh	2010		9A	Thái	Lương Văn Cường	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
487	Lò Thị Phan	2010		9A	Khơ Mú	Lò Văn Chức	Bản Tân Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
488	Lò Văn Hiều	2010		9A	Khơ Mú	Lò Văn Chên	Bản Tân Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
489	Lò Văn Kiên	2010		9A	Khơ Mú	Lò Văn Kéo	Bản Tân Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
490	Lò Văn Mạnh	2010		9A	Khơ Mú	Lò Văn Trung	Bản Tân Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
491	Lò Văn Đạo	2010		9A	Khơ Mú	Lò Thị Bui	Bản Tân Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
492	Chá Thị Cù	2010		9A	H mông	Chá A Dya	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
493	Giàng Thị Liên	2010		9A	H mông	Giàng A Tờ	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
494	Giàng Thị Hoa	2010		9A	H mông	Giàng A Sùng	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
495	Vàng A Trọng	2010		9A	H mông	Giàng Thị Máy	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
496	Lò Thị Thanh Cúc	2010		9A	Thái	Lò Thị Ngươn	Cò Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
497	Cà Kiêu Trinh	2010		9A	Thái	Cà Văn Mưu	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
498	Lò Anh Khuyển	2010		9A	Thái	Lò Văn Học	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
499	Bùi Đức Duy	2010		9A	Thái	Vì Thị Hoa	Cò Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
500	Lò Việt Khoa	2010		9A	Thái	Lò Thị Ninh	Cò Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
501	Vì Gia Hưng	2010		9A	Thái	Vì Văn Vân	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
502	Cà Thị Phong Lưu	2010		9A	Thái	Cà Văn Điện	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
503	Lương Thị Kiều Oanh	2010		9A	Thái	Lương Thị Linh	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
504	Lò Thị Nguyệt Nương	2010		9A	Thái	Lò Văn Tiên	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
505	Lương Thị Thu Thủy	2010		9A	Thái	Quàng Thị Hương	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
506	Quàng Thị Thu Hằng	2010		9A	Thái	Vì Thị Trung	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
507	Lò Đức Dũng	2010		9A	Thái	Lò Văn Thiện	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
508	Hờ Mạnh Phan	2010		9A	H mông	Hờ A Cửa	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
509	Vàng A Sò	2010		9A	H mông	Vàng A Sừ	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
510	Vàng A Thanh	2010		9A	H mông	Vàng A Tủa	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
511	Lò Kim Chi	2010		9A	Thái	Lò Văn Hòa	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
512	Hờ Minh Cua	2010		9A	H mông	Sùng Thị Sầu	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
513	Vàng A Phía	2010		9B	Hmông	Vàng A Cơ	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
514	Chá A Thủy	2010		9B	Hmông	Chá A Dya	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
515	Lò Văn Duy	2010		9B	Khơ mú	Lò Thị Khiêm	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
516	Lò Văn Hải	2010		9B	Khơ mú	Lò Văn Lùn	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
517	Giàng Thị Nhung	2010		9B	Hmông	Giàng A Lầu	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
518	Chá Thị Ly	2010		9B	Hmông	Chá A Chai	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
519	Sùng A Dênh	2010		9B	Hmông	Sùng Thị Lia	Huổi Chan 3	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
520	Chá A Đồi	2010		9B	Hmông	Chá A Na	Huổi Chan 4	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
521	Tòng Thị Thanh Thủy	2010		9B	Thái	Tòng Thị Sinh	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
522	Vàng A Cánh	2010		9B	Hmông	Vàng A Gầu	Huổi Chan 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên, học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tuyến được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
523	Lương Thị Vinh		2011	9B	Thái	Lương Văn Ngân	Bản Lĩnh 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
524	Lò Thị Quỳnh Như		2010	9B	Kho mù	Lò Thị Biên	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
525	Lò Thị Ngọc Bích		2010	9B	Thái	Lò Văn Quyết	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
526	Chả Thị Sĩ		2010	9B	Hmông	Chả A La	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
527	Giàng A Hòa		2010	9B	Hmông	Giàng A Tú	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
528	Lù Tuấn Du		2010	9B	Thái	Lù Văn Hải	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
529	Tông Đức Huy		2010	9B	Thái	Tông Văn Toán	Cò Chay 3	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
530	Lương Thị Lan Anh		2010	9B	Thái	Lương Văn Dĩa	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
531	Lò Thị Thu Hằng		2010	9B	Thái	Lò Văn Chân	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
532	Quàng Thị Anh Tuyết		2010	9B	Thái	Quàng Văn Thương	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
533	Lò Thị Ngọc Mai		2010	9B	Thái	Lò Văn Doan	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
534	Quàng Khánh Linh		2010	9B	Thái	Quàng Thị Thu	Mường Pôn 3	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
535	Lường Ngọc Quý		2010	9B	Thái	Lường Văn Soan	Mường Pôn 4	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
536	Quàng Nguyễn Tân		2010	9B	Thái	Quàng Văn Trường	Mường Pôn 5	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
537	Hờ Thị Dung		2010	9B	Hmông	Hờ A Súa	Pá Tra	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
538	Hờ A Phinh		2010	9B	Hmông	Hờ A Dẻ	Pá Tra	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
539	Cả Anh Trường		2010	9B	Thái	Cả Văn Thanh	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
540	Lù Hoàng Anh		2010	9B	Thái	Lù Thị Hoài	Bản Lĩnh 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
541	Lù Thanh Tùng		2010	9B	Thái	Lù Thị Hoài	Bản Lĩnh 3	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
542	Lý Văn Vũ		2010	9B	Kho mù	Lường Thị Thiên	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
543	Quàng Thanh Phúc		2010	9B	Thái	Quàng Thị Diên	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
544	Quàng Thị Phương		2010	9B	Kho mù	Lò Thị Minh	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
545	Là Thị Yên Nhi		2010	9B	Thái	Lù Thị Tinh	Cò Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
546	Lò Thị Kim Oanh		2010	9B	Thái	Lò Thị Nhung	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
547	Giàng Thị Hoa		2010	9B	Hmông	Giàng A Nam	Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
548	Lý Thị Chúc		2009	9C	Kho mù	Lý Văn Ngoan	Huổi Chan 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
549	Chả Thị Mai		2010	9C	H Mông	Giàng Thị Chu	Huổi Chan II	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
550	Vàng A Số		2010	9C	H Mông	Lò Thị Nhót	Huổi Chan II	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
551	Chả A Du		2010	9C	H Mông	Chả A Thái	Huổi Chan II	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
552	Quàng Văn Hùng		2010	9C	Kho mù	Quàng Thị Thơm	Bản Tin tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
553	Lò Văn Phương		2010	9C	Kho mù	Lò Văn Vi	Bản Tin tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
554	Lầu Thị Đũa		2010	9C	H Mông	Lầu A Chả	Bản Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
555	Sẻ Thị Sĩ		2010	9C	H Mông	Giàng Thị Dềnh	Bản Huổi Un	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
556	Lý Văn Hiền		2010	9C	Kho mù	Lò Thị Tom	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
557	Lò Văn Đoàn		2010	9C	Kho mù	Lý Thị Hanh	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
558	Quàng Mạnh Hào		2010	9C	Thái	Quàng Văn Trung	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
559	Bạc Thị Nguyễn		2010	9C	Kho mù	Cả Thị Ngân	Huổi Chan I	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
560	Vàng Thị Vừ		2010	9C	H Mông	Vàng A Tà	Huổi Chan II	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
561	Lò Tuấn Anh	2010		9C	Thái	Lò Văn Đoàn	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
562	Lò Cui Huy	2010		9C	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
563	Lò Thị Phương	2010		9C	Thái	Lò Thị Hom	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
564	Đinh Thị Thủy Tiên	2010		9C	Mường	Lò Thị Thủy	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
565	Quảng Vũ Vương	2010		9C	Thái	Quảng Văn Bình	Bản Lĩnh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
566	Lò Văn Huyền	2010		9C	Kho mù	Lò Văn Tô	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
567	Lò Thị Thắm	2010		9C	Kho mù	Lò Văn Tre	Tin Tộc	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
568	Chá Thị Kim Hoa	2010		9C	H Mông	Chá A Mưa	Huổi Ừn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
569	Chá A Vênh	2010		9C	H Mông	Sé Thị Phứa	Huổi Ừn	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
570	Lù Thị Chúc	2010		9C	Thái	Lù Văn Khương	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
571	Lù Thị Huyền	2010		9C	Thái	Lù Văn Hoạch	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
572	Lò Thị Huyền Trang	2010		9C	Lào	Quảng Thị Kim Loan	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
573	Lù Văn Quyết	2010		9C	Thái	Lò Thị Kéo	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
574	Lò Văn Triết	2010		9C	Thái	Lò Văn Suong	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
575	Lò Vũ Phong	2010		9C	Thái	Lù Thị Quỳnh	Co Chay 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
576	Quảng Tùng Dương	2010		9C	Thái	Lò Thị Biên	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
577	Lò Thị Tuyết Nhi	2010		9C	Thái	Lò Văn Tiên	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
578	Giảng Quốc Khánh	2010		9C	H Mông	Giảng A Sĩ	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
579	Lò Thị Chuyên	2010		9C	Thái	Lò Văn Tông	Mường Pôn 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
580	Lò Văn Đạt	2010		9C	Thái	Lò Thị Biên	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
581	Quảng Thị Văn Anh	2010		9C	Thái	Quảng Thị Thư	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
582	Lò Thị Khánh Ly	2010		9C	Thái	Lò Thị Tiên	Mường Pôn 2	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
583	Hờ Thị Pàn Hoa	2010		9C	H Mông	Hờ A Chữ	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
584	Hờ A Long	2010		9C	H Mông	Hờ A Sinh	Pá Trà	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
585	Lò Thị Kim Như	2010		9C	Thái	Lò Văn Tuyên	Co Chay 1	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
586	Vừ Thị Lầu	2010		9D	H Mông	Vừ A Sanh	Pá Sàng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
587	Lầu Thị Mai	2010		9D	H Mông	Lầu A Dơ	Pá Sàng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
588	Vừ A Dánh	2010		9D	H Mông	Vừ A Chua	Pá Sàng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
589	Thảo Thị Hà	2010		9D	H Mông	Thảo A Mưa	Pá sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
590	Vừ Thị Dung	2010		9D	H Mông	Vừ A Nềnh	Pá sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
591	Lầu A Tàng	2010		9D	H Mông	Lầu A Lòng	Pá sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
592	Lầu Yên Nhi	2010		9D	H Mông	Lầu A Nhia	Pá sáng - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
593	Vừ A Nhia	2010		9D	H Mông	Vừ A Mạ	Xá Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
594	Giảng Thị Cầu	2010		9D	H Mông	Giảng A Chữ	Nậm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
595	Giảng A Cua	2010		9D	H Mông	Giảng A Sênh	Nậm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
596	Hờ Kim Cúc	2010		9D	H Mông	Hờ A Lữ	Nậm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
597	Hờ A Công	2009		9D	H Mông	Hờ Càng Lênh	Nậm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
598	Lầu Minh Chàng	2010		9D	H Mông	Lầu A Cầu	Nậm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tuợng được huớng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
599	Lý Thị Chính		2010	9D	H Mông	Lý A Dưa	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
600	Hờ Thi Dờ		2010	9D	H Mông	Hờ A Dưa	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
601	Giàng Thị Hằng		2010	9D	H Mông	Giàng A Chử	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
602	Giàng Thị Kìa		2010	9D	H Mông	Giàng A Lừ	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
603	Giàng Thị Lầu		2010	9D	H Mông	Giàng A Sò	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
604	Hờ Thi Lầu		2010	9D	H Mông	Hờ Sênh Cua	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
605	Giàng Thị Phanh		2010	9D	H Mông	Giàng A Sút	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
606	Giàng Thị Mũ		2010	9D	H Mông	Giàng Pỏ Hờ	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
607	Hờ Thi Na		2010	9D	H Mông	Hờ A Lầu	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
608	Lý A Nénh	2010		9D	H Mông	Lý A Khự	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
609	Lầu Thị Hàng Nga		2010	9D	H Mông	Lầu A Trư	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
610	Giàng Thị Pang		2010	9D	H Mông	Giàng A Tũa	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
611	Giàng Thị Sơn		2010	9D	H Mông	Lý Thị Sung	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
612	Hờ A Son	2010		9D	H Mông	Hờ A Cua	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
613	Lầu A Sủ	2010		9D	H Mông	Lầu A Lang	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
614	Lầu Thi Sủ		2010	9D	H Mông	Lầu A Dẻ	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
615	Lầu Thi Sung		2010	9D	H Mông	Lầu A Lông	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
616	Lý Thị Dung		2010	9D	H Mông	Lý A Lý	Năm Ty - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
617	Mùa Thị Thu Trắng		2010	9D	H Mông	Mùa A Vàng	Xả Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
618	Thảo Thị Hoa		2010	9D	H Mông	Thảo A Sùng	Xả Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
619	Thảo A Phênh		2010	9D	H Mông	Thảo A Dơ	Xả Nhù - Hua Thanh	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
620	Giàng A Lòng		2010	9D	H Mông	Giàng A Tũa	Đôi I - Năm Ty	Xã khu vực III	150.000	4	600.000
Tổng											

